

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2600 – Số hiệu lớp: 2043
Giảng viên: Nguyễn Chí Thành
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402862	BÙI THỊ VÂN	ANH	27/08/05	NH24111			Cấm thi
2	22401728	NGUYỄN CHU QUỲNH	ANH	04/05/05	AI24111			
3	22400441	NGUYỄN DƯƠNG THỰC	ANH	02/02/05	DL24111			
4	22402093	NGUYỄN MINH THỦY	ANH	17/11/06	KS24111			Cấm thi
5	22402934	NGUYỄN PHI	ANH	29/01/01	DL24111			
6	22400903	VŨ THỊ KIỀU	ANH	08/03/06	KS24111			
7	22401494	DƯƠNG BẢO	ÂN	12/02/05	KS24111			
8	22400569	BÙI VĂN NHẬT	HÀO	11/01/06	DL24111			
9	22402732	BÙI NGỌC	HÂN	12/03/03	AI24111			Cấm thi
10	22400752	PHẠM MINH	HẬU	19/03/02	KS24111			
11	22401541	TRẦN THUY XUÂN	HIỀN	30/10/06	KS24111			
12	22400317	TRẦN HOÀNG	KIM	01/02/06	KS24111			
13	22401406	LÝ XƯƠNG	LÂM	02/04/06	KS24111			
14	22400702	PHAN LÊ NGỌC	MAI	21/03/06	DL24111			
15	22400102	WANG KHIẾT	MY	26/01/06	DL24111			
16	22400100	VÕ HOÀI	NAM	10/08/95	AI24111			
17	22400736	NGUYỄN LÊ NHƯ	NGỌC	26/08/06	NH24111			Cấm thi
18	22402916	PHAN THÀNH	NGUYỄN	21/02/06	NH24111			
19	2171544	ĐINH LÊ Ý	NHI	10/06/99	KS1711			
20	22401738	TRẦN THUỖ	NHIÊN	20/09/05	NH24111			Cấm thi
21	22402679	HOÀNG NGỌC TÂM	NHƯ	09/03/06	KS24111			
22	22402806	HUỲNH DUY	PHÁT	14/11/06	AI24111			
23	22402967	NGUYỄN MINH	QUANG	14/04/06	AI24111			
24	22400870	NGUYỄN HOÀNG ANH	QUỐC	09/01/06	KS24111			
25	22401810	LƯU HUỆ	SAN	06/12/06	DL24111			
26	2171098	CAO PHÁT	TÀI	14/10/99	DL1712			
27	22400818	PHAN TRÚC	THANH	29/12/06	KS24111			
28	22400057	BÙI NGUYỄN	THÀNH	02/09/02	LW24111			
29	22400668	TRẦN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/04/06	KS24111			
30	22403112	LÊ NGUYỄN AN	THIỆN	13/07/00	DL24111			
31	22402770	LÊ THỊ THANH	THÚY	30/10/06	DL24111			
32	22401588	ĐOÀN VŨ ANH	THƯ	06/10/04	DL24111			Cấm thi
33	22401318	NGUYỄN TRƯỜNG	TÍNH	11/06/06	KS24111			
34	22402763	HỒ THỊ QUẾ	TRÂN	16/09/06	KS24111			
35	22400894	TRẦN PHƯƠNG	TRINH	04/01/04	KS24111			
36	22400104	LÊ ĐỨC	TRỌNG	14/09/06	DL24111			
37	22401608	DƯƠNG BÙI THÀNH TUẤN	TÚ	28/08/06	AI24111			
38	22401512	NGUYỄN THANH	UYÊN	04/03/06	NH24111			Cấm thi
39	22401083	DƯƠNG THANH	VY	18/05/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2800 – Số hiệu lớp: 2045
Giảng viên: Đinh Thị Hồng Ân
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 047 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400385	LÊ ĐỨC	ANH	05/02/04	TV24111			Cấm thi
2	22400469	NGUYỄN HUY	ANH	21/05/99	EM24111			
3	22400555	PHẠM VÂN	ANH	04/10/06	TV24111			
4	22400611	NGÔ KIM	BẢO	12/05/06	NT24111			
5	22400718	TRẦN KHÁNH	DUY	18/07/05	NT24111			
6	22400652	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	27/04/06	NT24111			
7	22400013	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	01/04/04	TV24111			
8	22400365	NGUYỄN ĐẶNG BẢO	KHANG	17/02/05	TV24111			Cấm thi
9	22001156	LÊ CÔNG PHƯỚC	KHÁNH	02/06/02	KS20111			
10	2194060	NGUYỄN ĐỨC	KHƯƠNG	04/03/01	PM19111			
11	22114338	LƯƠNG TUẤN	KIỆT	10/07/03	TV21111			
12	22400347	NGUYỄN KHÁNH	LINH	17/06/06	TV24111			
13	22400416	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	16/04/04	KT24111			
14	22400635	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	MY	19/01/06	NT24111			
15	22400756	NGUYỄN PHẠM GIA	NGHI	22/09/06	PR24111			
16	22400471	ĐOÀN THANH	NGỌC	24/10/06	TV24111			
17	22400088	NGUYỄN MINH	NHẬT	10/11/02	TV24111			Cấm thi
18	22400372	DIỆP TRƯƠNG KHÁNH	NHI	15/08/04	TC24111			
19	22300109	LÊ THỊ THẢO	NHI	04/02/04	TC23111			
20	22400417	LÊ TRẦN THẢO	NHI	13/06/04	PR24111			Cấm thi
21	22400093	HUỲNH PHẠM YẾN	NHƯ	06/10/06	KT24111			
22	22400116	PHAN THỤY HUỲNH	NHƯ	08/12/05	NT24111			
23	22400602	LÊ VŨ GIA	PHONG	13/06/05	NT24111			
24	22205662	LÝ THIÊN	PHÚC	26/02/04	QL22111			Cấm thi
25	22400150	TRẦN HOÀNG	PHÚC	29/10/06	TV24111			
26	22400482	NGUYỄN THÀNH	TÀI	19/08/04	NT24111			Cấm thi
27	22400613	NGUYỄN NHƯ HẢI	THANH	19/03/06	PR24111			
28	22400538	LÝ UYÊN	THẢO	22/08/06	TV24111			
29	22400491	ĐẶNG QUAN	THẠNH	09/07/04	NT24111			
30	2199008	NGUYỄN MINH	THUẬN	09/11/01	KS19111			
31	22400152	TRẦN NGỌC ĐOAN	TRANG	02/01/04	PR24111			Cấm thi
32	22400192	LÝ QUỲNH	TRÂM	28/10/06	NT24111			
33	22106829	ĐỖ HUỲNH PHƯƠNG	TUYỀN	06/07/03	TT21111			
34	22207766	CHÂU BẢO	UYÊN	06/09/03	PR22111			Cấm thi
35	22400421	HỒ THỊ THẢO	VY	10/12/05	TV24111			
36	22400591	NGUYỄN TRANG PHƯƠNG	VY	18/01/06	TV24111			
37	22400541	NGUYỄN VŨ THỤY	VY	20/12/05	TV24111			
38	22400211	VÕ HOÀNG BẢO	VY	10/01/05	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2900 – Số hiệu lớp: 2046
Giảng viên: Trần Trường Hải
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401088	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	14/01/06	NT24111			
2	22400915	LƯU TRƯỜNG	CHÍ	20/11/06	TV24111			
3	22400819	TẶNG BỘI	DU	19/11/06	NT24111			
4	22400806	LÊ ĐĂNG	ĐẠT	18/11/06	FT24111			Cấm thi
5	22400957	LÂM HẢI	ĐĂNG	27/07/05	FT24111			
6	22401092	HÀ KIẾN	HÀO	05/10/06	TV24111			
7	22400997	NGUYỄN HOÀNG BẢO	HÂN	05/08/06	PR24111			
8	22401157	NGUYỄN CÔNG	HẬU	28/02/06	TV24111			
9	22400896	HUỲNH LÊ CHÍ	HIẾU	11/04/06	TV24111			Cấm thi
10	22205161	NGUYỄN THỤY LIÊN	HOA	25/02/03	PR22111			
11	22401160	DIỆP TRẦN DIỆU	HUY	12/10/04	FT24111			Cấm thi
12	22400787	NGUYỄN TUẤN	HUY	17/03/06	TV24111			
13	22400908	LÝ NGỌC	HƯƠNG	22/09/06	NT24111			Cấm thi
14	22401121	LÊ TRẦN TƯỜNG	HY	01/11/06	TV24111			
15	22400813	NGUYỄN CHÍ	KHANG	03/05/05	NT24111			
16	2193865	PHẠM TRẦN THANH	KIẾU	23/12/00	NL19111			
17	22401038	TRƯƠNG DUY	LỢI	08/12/06	FT24111			
18	22400759	HỒ TRẦN NHẬT	MINH	25/11/05	TV24111			
19	2190841	NGUYỄN HÀ YẾN	MY	19/01/01	TM19112			Cấm thi
20	22400959	TRẦN GIA	NGHI	23/06/06	PR24111			
21	22400559	LÝ THUẬN	NGUYỄN	28/12/06	NT24111			
22	22400923	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	NGUYỄN	20/01/06	TV24111			
23	22400868	NGUYỄN TẤN	PHÁT	04/07/06	KT24111			
24	22401074	NGUYỄN LƯƠNG MỸ	TÂM	03/11/06	NT24111			
25	22400834	NGUYỄN HOÀN GIA	THÀNH	19/07/06	NT24111			Cấm thi
26	22400790	NGUYỄN LÊ	THẮNG	04/01/06	NT24111			Cấm thi
27	22401148	TÔ PHÁT	THỊNH	29/10/06	NT24111			
28	22401040	HỨA NGUYỄN MINH	THƯ	21/08/06	FT24111			
29	22400941	TỪ CÔNG	THỪA	04/12/06	TV24111			
30	22400777	HỒ THỊ BÍCH	TIỀN	17/02/05	PR24111			
31	22400929	HUỲNH HỒ QUANG	TIẾN	18/09/06	TV24111			
32	22401409	ĐÀO KIỀU	TRANG	08/03/06	NT24111			
33	22401049	NGUYỄN QUAN	TRƯỜNG	10/04/06	NT24111			
34	2199076	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	02/12/01	TK19121			
35	22400869	HỒ NGỌC KHÁNH	VY	23/11/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3000 – Số hiệu lớp: 2047
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401523	NGUYỄN HUỖNH BẢO	ANH	26/11/06	TV24111			Cấm thi
2	22401383	HÀ KIM	CƯƠNG	02/06/06	NT24111			
3	22401395	NGUYỄN MINH	CƯỜNG	07/12/06	NT24111			
4	22401302	PHẠM VŨ QUỐC	CƯỜNG	07/02/06	TV24111			Cấm thi
5	22401513	TẠ QUANG QUỐC	CƯỜNG	31/10/06	FT24111			
6	22401457	THÁI THƯỢNG	DUY	03/08/06	TV24111			
7	22401343	LÊ TIẾN	DŨNG	10/11/06	FT24111			
8	22122638	NGUYỄN THỊ	HẰNG	23/08/03	MC21111			Cấm thi
9	22401293	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	20/07/06	NT24111			
10	22401544	VÕ LÝ AN	KHANG	27/01/06	TV24111			
11	22401518	NGUYỄN NGỌC MAI	KHÔI	03/12/06	KT24111			
12	22401258	LÊ TUẤN	KIỆT	17/12/06	TV24111			
13	2199308	LÂM THỊ PHƯƠNG	LINH	23/12/00	LG19112			
14	22401298	LÂM XUÂN	NGHI	04/12/06	TV24111			
15	22401316	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	22/08/05	FT24111			
16	22401326	TRẦN THANH	NGỌC	28/04/06	PR24111			
17	22401364	NGUYỄN GIA	NGUYỄN	10/09/06	TV24111			
18	22401542	TRẦN HOÀNG	NGUYỄN	24/01/06	NT24111			
19	22401528	NGUYỄN ĐẶNG UYÊN	NHI	19/01/06	NT24111			
20	22401476	VĂN THANH HỒNG	NHUNG	27/02/06	TV24111			
21	22401526	NGUYỄN GIA	PHÚ	06/02/06	FT24111			
22	22401165	NGUYỄN BẢO	SANG	21/04/06	NT24111			
23	22401386	NGUYỄN TRẦN DUY	TẤN	07/01/05	PR24111			Cấm thi
24	22401489	PHAN HOÀNG	THÁI	05/09/06	TV24111			
25	22401553	BÙI TRẦN THANH	THẢO	28/07/05	NT24111			
26	22401366	PHẠM PHÚ	THỊNH	16/04/06	TV24111			
27	22401261	ĐÌNH NGỌC	TRÂM	26/07/06	TV24111			
28	22401565	QUÁCH TRỊNH BẢO	TRÂM	18/10/06	TV24111			
29	22401400	PHAN PHÚ	VINH	28/09/06	NT24111			
30	22401495	ĐỖ THỊ THUÝ	VY	02/09/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3800 – Số hiệu lớp: 2055
Giảng viên: Nguyễn Thị Hồng Trang
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401747	NGUYỄN HOÀNG	ANH	02/07/06	KT24111			Cấm thi
2	22401713	TRẦN BẢO	DUY	11/04/06	TV24111			
3	22401725	HUYỀN TUẤN	ĐẠT	11/10/06	TV24111			Cấm thi
4	22401586	LẠI ĐÌNH THÀNH	ĐẠT	15/05/06	TV24111			Cấm thi
5	22401631	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	03/06/06	FT24111			
6	22402021	VĂN ÁI NGỌC	HÀ	22/08/06	NT24111			
7	22402218	MAI NGUYỄN GIA	HÂN	25/06/06	PR24111			Cấm thi
8	22402920	TRẦN VĂN	HIỆU	11/03/06	TV24111			Cấm thi
9	22403070	VÕ THỊ DIỆU	HIỆN	29/12/05	NT24111			
10	22401830	BÙI HÀ	LAN	26/04/06	TV24111			
11	22402565	HỒ ÁNH	LINH	27/12/06	KT24111			
12	22402404	NGUYỄN THUY NHẬT	LINH	15/09/06	PR24111			
13	22402585	HUYỀN NHẬT	MAI	14/12/06	KT24111			
14	22401737	NGUYỄN THANH XUÂN	MAI	26/01/06	NT24111			
15	22400544	BÙI XUÂN	MINH	31/01/05	DM24111			
16	22401634	NGUYỄN THÀNH	NAM	09/04/06	NT24111			
17	22402061	LÊ TRẦN PHÚ	NGÂN	07/09/06	TV24111			
18	22401994	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	02/09/06	KT24111			Cấm thi
19	22402165	HỒNG BỘI	NGHI	14/08/06	TV24111			
20	22401739	NGUYỄN ĐÔNG	NGHI	14/08/06	NT24111			
21	22402246	LƯU BẢO	NGỌC	23/09/06	TV24111			
22	22401795	VÕ THU	NGUYỆT	25/08/06	PR24111			
23	22401579	NGUYỄN HẢI	PHƯƠNG	16/12/06	NT24111			
24	22402089	NGHỆ THỰC	TÂM	30/03/06	PR24111			
25	22401842	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	11/11/06	TV24111			
26	22401136	QUÁCH HẠNH	THI	09/03/06	TV24111			
27	22401720	VŨ NGUYỄN CA	THUY	11/02/06	TV24111			
28	22401873	ĐỖ NGỌC HÀ	THY	19/08/06	NT24111			
29	22402830	LƯƠNG VÕ HOÀNG NGỌC	TIẾN	09/08/06	KT24111			
30	22402031	TRẦN THỊ THUY	TIẾN	10/08/06	TV24111			
31	22401667	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	08/09/06	TV24111			
32	22401676	NGUYỄN BẢO	TRINH	18/12/06	TV24111			Cấm thi
33	22401793	LÊ KIM MỸ	YÊN	23/09/06	FT24111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3900 – Số hiệu lớp: 2056
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402720	ĐỖ THỊ	DUYÊN	10/12/06	NT24111			
2	22402744	PHAN NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/04/06	NT24111			
3	22403227	NGUYỄN VŨ HÀ	GIANG	17/08/00	PR24111			Cấm thi
4	22402837	ĐÌNH TRUNG	HIẾU	15/09/05	TV24111			
5	22403003	TRẦN NHẬT	HUY	01/02/06	NT24111			
6	22402994	OH NAM	KIỀU	17/11/04	PR24111			
7	22402789	NGUYỄN LÊ ANH	MINH	10/04/06	NT24111			
8	22402839	LÊ HUY HOÀNG	MY	12/04/06	PR24111			
9	22402691	VÕ THỊ DIỄM	MY	26/09/06	KT24111			
10	22207632	TRƯƠNG KHÁNH	NGÂN	16/03/02	MK22111			
11	22402969	TRƯƠNG GIA	NGHI	01/03/06	TV24111			
12	22012276	TRẦN PHAN KHÁNH	NGỌC	21/10/02	TL20111			
13	22403018	VÕ LÊ BÍCH	NGỌC	12/01/06	TV24111			
14	22402809	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	NHÂN	25/08/06	TV24111			Cấm thi
15	22402751	ĐÌNH NGUYỄN MINH	NHẬT	03/04/06	FT24111			
16	22402701	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	16/02/06	NT24111			Cấm thi
17	22402918	HUỲNH THỊ QUỲNH	NHƯ	22/02/05	NT24111			
18	22402960	VÕ PHẠM MINH	QUÂN	25/07/06	NT24111			
19	22402841	BÙI NGUYỄN DẠ	QUYÊN	16/06/06	TV24111			
20	22402733	PHẠM NGỌC	QUÝ	12/06/06	TV24111			
21	22403108	LÊ VŨ HIỀN	TRANG	15/07/06	KT24111			
22	2181317	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRÂN	02/07/00	TK1812			
23	22403056	HUỲNH MAI PHƯƠNG	TRINH	11/07/06	TV24111			Cấm thi
24	22402886	VÕ QUỐC HƯƠNG	TRÚC	05/12/06	PR24111			
25	22402959	HOÀNG QUỐC	TUẤN	02/12/06	TV24111			
26	22403022	NGUYỄN NGỌC THANH	TUYỀN	06/12/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2400 – Số hiệu lớp: 2041
Giảng viên: Ngô Thị Dường
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400732	HẠ MINH	ANH	17/09/05	TL24111			
2	22400545	LÊ TUẤN	ANH	21/04/05	TL24111			
3	22401267	VÕ THỊ KHÁNH	BĂNG	17/06/06	LW24111			
4	22400863	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	06/01/06	BL24111			
5	22401349	VÕ NHẤT	DUY	22/07/06	LW24111			
6	22400484	LỮ THIÊN	ĐĂNG	20/03/05	LW24111			
7	22400970	NGÔ GIA	HÂN	25/11/06	LW24111			
8	22401161	NGUYỄN LÊ GIA	HÂN	16/12/06	TL24111			
9	22401051	NGUYỄN VIỆT MINH	HIẾU	24/01/02	LW24111			
10	22401024	NGUYỄN MINH	HOÀNG	20/01/06	BL24111			Cấm thi
11	2170400	MAI PHƯỚC	HUY	10/05/99	DL1712			
12	22400077	NGUYỄN GIA	HUY	06/04/06	QL24111			
13	22401361	TRẦN KHÁNH	HƯNG	13/01/06	PM24111			
14	22401070	PHAN THANH	HƯƠNG	14/06/06	BL24111			
15	22401405	NGUYỄN LỮ ĐĂNG	KHOA	14/09/06	LW24111			
16	22400667	TRỊNH THỰC	KHUÊ	16/11/05	TL24111			
17	22400343	ĐỖ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/07/06	PM24111			
18	22403167	PHẠM THỊ THUỖ	LINH	22/07/93	TL24111			
19	22400352	TRẦN NGUYỄN BẢO	LONG	26/07/02	TL24111			
20	22400751	ĐÀM THIÊN BẢO	NGHIÊM	14/05/06	TL24111			
21	22401352	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	17/09/06	BL24111			
22	22400443	NGUYỄN SONG	NGUYỄN	31/07/01	TL24111			
23	22401264	PHAN THỊ THẢO	NGUYỄN	03/06/06	LW24111			
24	22400945	LÊ PHONG	NHÃ	08/04/06	BL24111			
25	22400976	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	10/04/06	BL24111			
26	22401154	NGUYỄN NGỌC THANH	NHI	20/02/06	BL24111			
27	22401382	NGUYỄN NGỌC	NHƯ	28/12/99	TL24111			
28	22400065	TÔ TÂM	NHƯ	10/04/04	TL24111			
29	22400623	ĐẶNG UYÊN	PHƯƠNG	10/01/06	TL24111			
30	22401414	THẮNG LIÊN	PHƯƠNG	23/11/06	TL24111			
31	22401572	TRỊNH NHƯ	PHƯƠNG	31/07/05	TL24111			Cấm thi
32	22400129	VÕ NGỌC	QUỲNH	09/04/06	TL24111			
33	22400051	VŨU LIỆT	THUẬN	29/06/03	PM24111			
34	22400698	HUỲNH ĐẶNG CẨM	TIẾN	27/04/06	BL24111			
35	22401020	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	01/12/06	LW24111			
36	22400738	CAO NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	25/04/06	TL24111			Cấm thi
37	22401324	ĐỖ HOÀNG UYÊN	TRANG	24/06/06	BL24111			
38	22401408	LÊ THỊ THUỖ	TRANG	29/09/06	BL24111			
39	22401342	VÕ CHÂU	TUẤN	29/04/06	PM24111			
40	22400979	NGUYỄN TƯỜNG	VY	24/02/06	TL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2700 – Số hiệu lớp: 2044
Giảng viên: Nguyễn Chí Thành
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 111 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402949	HOÀNG NHẬT	ANH	07/08/06	TL24111			
2	22402742	NGUYỄN PHƯỚC MAI	BẢO	30/04/04	AI24111			
3	22402888	TẠ LÊ NGỌC	HÂN	24/04/06	BL24111			
4	22402768	KRÃ TẤN K'	HIỀN	19/11/06	LW24111			Cấm thi
5	22401808	PHẠM ĐỖ GIA	HƯNG	13/01/06	BL24111			
6	22402630	LÊ MAI	KHÔI	10/11/05	BL24111			
7	22402784	NGUYỄN THÀNH	LIÊM	21/11/06	PM24111			
8	22403037	NGUYỄN KHÁNH	MAI	29/03/06	TL24111			
9	22402912	LÊ CÔNG NGUYỄN	MINH	20/02/06	LW24111			
10	22402876	VÕ LÊ NGỌC	MINH	02/12/06	BL24111			
11	22402900	TRẦN MINH	NAM	26/06/06	PM24111			
12	22402737	TRẦN LẠI HÀ	NGUYỆT	24/04/06	TL24111			
13	22401501	TRẦN KIM	NGUYỄN	04/12/06	LW24111			
14	22402849	LÊ THỊ YẾN	NHI	02/12/06	LW24111			
15	22401767	VÕ THỊ PHONG	NHI	20/03/06	TL24111			
16	22401623	THẠCH THUY MỸ	NHUNG	26/03/06	LW24111			
17	22402972	LÂM GIA	PHÚ	10/11/06	LW24111			
18	22402116	NGÔ ĐỖ ĐÌNH	PHÚ	21/09/06	PM24111			
19	22403050	ĐỖ NGỌC	QUANG	18/06/06	PM24111			
20	22402755	LƯU MINH	QUÂN	02/05/06	PM24111			
21	22402854	PHẠM NHẬT	QUỲNH	17/07/06	LW24111			
22	22401974	GIANG TRẦN NGỌC	THẢO	22/05/06	BL24111			
23	22401730	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/10/06	BL24111			
24	22401981	NGUYỄN LÊ ANH	THƯ	12/07/06	LW24111			
25	22402772	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/01/06	LW24111			
26	22402312	TRẦN NGUYỄN MINH	THY	31/10/06	TL24111			
27	22401563	ĐÌNH KHẮC HOÀNG	TIẾN	22/06/06	LW24111			
28	22402321	LƯƠNG QUỲNH	TRÂM	20/06/06	LW24111			
29	22402743	NGUYỄN HÙNG	TRUNG	27/03/06	PM24111			
30	22403105	VÕ NHỰT	TRUNG	02/05/06	PM24111			
31	22401992	NGUYỄN NGỌC CẨM	TÚ	13/10/06	LW24111			
32	22403121	TRẦN CẨM	TÚ	11/08/04	BL24111			
33	22402771	NGUYỄN KIM THẢO	VY	11/04/06	BL24111			
34	22402184	NGUYỄN MAI	VY	20/06/06	LW24111			
35	22401733	PHẠM HẢI	YẾN	28/06/06	TL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3500 – Số hiệu lớp: 2052
Giảng viên: Nguyễn Thị Huệ
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22104238	NGUYỄN HỒNG	ANH	06/07/03	BL21111			
2	22400055	TRẦN NGỌC GIA	BAO	10/05/06	TT24111			
3	22400413	PHẠM GIA	BẢO	08/02/06	DM24111			
4	22400366	LÊ NGUYỄN	ĐĂNG	14/05/05	DM24111			Cấm thi
5	22400151	PHAN HUỲNH THIÊN	ĐỨC	29/05/06	EC24111			
6	22400172	LÊ THỊ NGỌC	HẠNH	15/08/06	EM24111			
7	22400453	LÊ GIA	HÂN	26/11/06	EM24111			
8	22400373	NGUYỄN NHƯ	HIỀN	13/04/06	DM24111			
9	22400458	NGUYỄN QUỐC	HIỂN	21/11/06	DK24111			
10	22400208	NGUYỄN THÙY LINH	HƯƠNG	01/02/01	DK24111			
11	22400415	NGUYỄN NGỌC MỸ	KHANH	10/08/06	DK24111			
12	22122933	MAI HOÀNG	KHÔI	21/02/03	PB21111			
13	22207524	NGUYỄN VŨ MINH	KHÔI	09/09/04	TT22111			Cấm thi
14	22400467	ĐOÀN THỊ THUỶ	LINH	17/12/06	DK24111			
15	22400312	TRỊNH MINH	LỢI	02/09/06	DM24111			Cấm thi
16	22400381	TRẦN THANH	NAM	17/07/05	LG24111			
17	22400059	NGÔ TUYẾT	PHƯƠNG	06/02/04	TT24111			
18	22400032	HỒ TẤN MINH	QUÂN	20/01/03	DM24111			
19	22400319	NGUYỄN TẤN	SANG	20/09/05	EC24111			
20	22400058	NGUYỄN TƯỚNG	TÀI	18/09/04	DM24111			Cấm thi
21	22400161	HOÀNG NGỌC	THANH	15/07/06	EM24111			
22	22400165	HUỲNH VŨ LÊ	THÀNH	26/11/06	DM24111			Cấm thi
23	22400141	DƯƠNG BỘI	THƯ	06/10/06	DK24111			
24	22400219	DƯƠNG NGUYỄN MINH	THƯ	27/12/05	DM24111			
25	22400202	ĐỖ NGỌC MINH	THƯ	06/02/06	DK24111			
26	22400119	HUỲNH MINH	THƯ	22/04/06	DM24111			
27	22400432	NGUYỄN ANH	THƯ	22/08/06	DK24111			
28	22400399	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	04/06/05	EC24111			
29	22400402	NGUYỄN NGỌC THUỶ	TIẾN	23/11/05	LG24111			
30	22401663	VÕ HOÀNG BẢO	TRÂM	11/01/06	NT24111			
31	22400215	TRẦN HỮU	TRỌNG	01/04/06	DM24111			
32	22400404	HUỲNH GIA	TUẤN	18/06/06	DM24111			
33	22200016	TRẦN NGUYỄN MỸ	UYÊN	07/11/02	NH22111			
34	22400344	TRỊNH HOÀNG	VY	07/04/06	DK24111			
35	22400410	NGUYỄN VŨ THANH	XUÂN	17/03/06	EM24111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3600 – Số hiệu lớp: 2053
Giảng viên: Đỗ Quốc Khánh
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400950	NGUYỄN LÂM TRÚC	ANH	12/03/06	DK24111			
2	22400780	NGUYỄN DUY	BIN	01/02/06	TT24111			
3	22140166	NGUYỄN HỮU VĂN	CHƯƠNG	25/11/03	QL21111			Cấm thi
4	22400993	HÀ BẢO	HOÀNG	04/08/04	DM24111			Cấm thi
5	22118082	NGUYỄN HẢI	HUY	09/10/03	PM21111			
6	22400931	LÂM CHẤN	KHANG	22/10/06	DK24111			
7	22400615	LÊ THIỆU	KHANG	19/01/06	SE24111			
8	22400816	NGUYỄN DUY	KHANG	24/09/06	DM24111			
9	22400821	ĐỖ ĐÌNH	KHẢI	20/12/06	DK24111			
10	22112460	LÊ NGUYỄN THANH	LÂM	23/11/01	BL21111			
11	22400788	NGUYỄN KHÁNH	LINH	06/03/06	DM24111			
12	22400850	NGUYỄN THỊ KIM	LINH	22/11/04	TT24111			
13	22400495	SỬ PHƯƠNG	LINH	10/04/06	DK24111			
14	22400871	ĐỖ ANH	LONG	05/11/06	DM24111			
15	22400843	TRƯƠNG TRÚC	LY	21/12/06	DK24111			
16	22400520	HOÀNG PHẠM KHÁNH	NGỌC	20/05/05	DK24111			
17	22400740	DƯƠNG KIỀU	OANH	02/11/03	EM24111			
18	22400954	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	14/10/06	EM24111			
19	22400691	TRẦN ĐẶNG THIÊN	PHÚC	15/12/06	EM24111			
20	22400722	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	06/08/04	DK24111			
21	22400542	NÌM NGỌC	QUÝ	08/04/06	DK24111			Cấm thi
22	22400924	HOÀNG ANH	TÀI	18/07/06	DM24111			
23	22400568	NGUYỄN NHƯ	THẢO	15/12/03	EM24111			Cấm thi
24	22115220	NGUYỄN MINH	THUẬN	05/11/03	BL21111			
25	22400639	LÊ NGỌC THÙY	TRANG	07/11/06	DK24111			
26	22400650	NGÔ KIỀU	TRÂN	03/08/06	TT24111			
27	22402448	NGUYỄN NHẤT	TRÂN	11/11/06	TV24111			
28	22400886	NGUYỄN HOÀNG MINH	TRIẾT	12/11/06	DK24111			
29	22400785	LÊ ANH	TUẤN	07/11/06	EC24111			
30	22400776	VÕ HOÀNG NGỌC	TÚ	16/12/05	DK24111			
31	22400550	TRẦN NGỌC TƯỜNG	VÂN	14/10/06	EM24111			Cấm thi
32	22400575	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	07/07/06	EM24111			
33	22400572	TRƯƠNG KIM	YẾN	02/03/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3700 – Số hiệu lớp: 2054
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401067	HÀ PHƯƠNG	ANH	24/10/04	EM24111			
2	22400531	LÊ MINH HUY	ANH	02/09/99	DK24111			
3	22401019	TRẦN VÂN QUỐC	DUY	05/11/05	SE24111			Cấm thi
4	22104232	HỒ THỊ NGỌC	HẰNG	05/07/03	KN21111			
5	22401046	NGUYỄN HOÀNG BẢO	KHANG	11/07/06	DK24111			
6	22401060	TRẦN THỨC	KHÁ	18/01/06	DK24111			Cấm thi
7	22400350	LÊ VŨ ANH	KHÔI	08/09/03	DK24111			Cấm thi
8	22401284	LƯU THỊ CHÍ	LINH	05/06/06	DM24111			
9	22401041	TRẦN THỊ KIM	LOAN	02/11/06	DK24111			Cấm thi
10	22401166	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	03/04/06	EM24111			
11	22401110	NGUYỄN LỘC ĐÔNG	NGHI	01/06/06	EM24111			
12	2193553	VŨ MAI HỒNG	NGỌC	31/05/01	DL19121			
13	22401169	CAO THANH	NHẤT	01/01/06	DM24111			
14	22401008	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	26/10/06	EC24111			
15	22401319	CHƯƠNG ĐÔNG	PHI	07/12/06	DM24111			Cấm thi
16	22401262	PHAN THẾ	PHONG	01/01/06	SE24111			
17	22401018	PHẠM THỊ MỸ	PHƯỢNG	01/03/06	DM24111			
18	2191891	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	QUYÊN	19/03/01	TV19112			Cấm thi
19	22401309	VĂN THỊ NGỌC	THANH	08/01/06	DK24111			
20	22401139	LÊ THỊ HOÀI	THU	24/06/06	DK24111			Cấm thi
21	22401325	BÙI NGUYỄN ANH	THƯ	23/11/06	DK24111			
22	22401014	LÊ MY	THƯ	23/06/06	DK24111			
23	22401013	TRẦN THỊ MINH	THƯ	22/01/04	DK24111			
24	22401149	NGUYỄN NGỌC THUỶ	TIẾN	03/07/06	DM24111			
25	22401282	TRẦN THU	TRANG	01/08/06	TT24111			
26	22401055	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	22/05/06	DM24111			
27	22401033	NGUYỄN THỊ VIỆT	TRINH	01/05/06	SE24111			Cấm thi
28	22401289	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	30/05/06	DM24111			
29	22401153	PHẠM THỊ NGỌC	TRÚC	06/04/06	DK24111			
30	22401296	LƯƠNG ĐĂNG MINH	VIỆT	23/12/05	EM24111			
31	22402198	LAI TỬ THIẾU	VĨ	28/11/06	EC24111			
32	22401102	VŨ KHẮC NGUYỄN	VŨ	24/06/06	DM24111			
33	22401006	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	05/03/06	EM24111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 4000 – Số hiệu lớp: 2057
Giảng viên: Nguyễn Thị Hồng Trang
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401329	DƯƠNG KIỀU	ANH	21/01/06	DM24111			Cấm thi
2	22401332	HUỲNH CHÂU	ANH	10/01/06	DM24111			
3	22401577	LÊ HOÀNG	ANH	26/11/03	DK24111			Cấm thi
4	22401449	NGUYỄN ĐỨC TÀI	ANH	02/10/05	DK24111			Cấm thi
5	22401601	NÔNG HOÀNG	ANH	10/02/04	DK24111			Cấm thi
6	22401485	THÁI QUANG	ANH	16/09/03	SE24111			
7	22401614	LÔ GIA	BẢO	23/03/06	DM24111			
8	22300711	PHẠM LÊ CÔNG	DANH	25/04/02	KS23111			
9	22401356	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	DUY	29/08/06	DM24111			Cấm thi
10	22401345	LÊ THỊ MINH	HẰNG	21/02/06	DK24111			Cấm thi
11	22401417	VÕ TRƯỜNG NHẬT	HUY	09/01/06	SE24111			Cấm thi
12	22401373	PHAN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	09/05/06	TT24111			
13	22401625	NGUYỄN THANH PHÚC	LỘC	25/10/06	DK24111			
14	22401460	NGUYỄN NHẬT	MINH	07/03/06	DK24111			
15	22401617	NGUYỄN GIA	MỸ	21/10/06	EM24111			Cấm thi
16	22401479	H KHUÊ RƠ	NANG	29/01/06	DK24111			Cấm thi
17	22401543	DƯƠNG NGỌC	NGÂN	10/01/06	TT24111			Cấm thi
18	22401407	TRƯƠNG MỸ	NGÂN	31/01/06	DM24111			
19	22401339	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	11/01/06	DM24111			
20	22401610	LÊ QUỲNH	NHƯ	31/07/06	EM24111			
21	22401365	LÊ MINH	PHÁT	02/12/06	DK24111			Cấm thi
22	22401376	NGUYỄN VĨNH	PHÁT	29/11/06	DK24111			
23	22401450	TRẦN MINH	SON	25/06/06	DK24111			Cấm thi
24	22401573	TRẦN THÀNH	TÀI	15/11/06	TT24111			
25	22401622	NGUYỄN NGỌC MAI	THI	23/11/06	DM24111			
26	22301661	BÙI VĂN	TÍN	27/11/05	NL23111			
27	22401491	LƯƠNG HUỲNH THÙY	TRANG	02/03/06	DM24111			
28	22401603	NGUYỄN THỊ HOÀNG	TRANG	02/08/06	EM24111			
29	22401461	LÊ BẢO	UYÊN	10/01/05	DK24111			Cấm thi
30	22401396	BÙI NGUYỄN HẠ	VY	26/11/06	DM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 4100 – Số hiệu lớp: 2058
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401800	NGUYỄN ĐẶNG THÁI	BẢO	10/11/06	DK24111			Cấm thi
2	22401982	TRẦN LÊ MINH	CHÂU	18/04/06	DK24111			
3	22401702	HÀ THUỖ	DƯƠNG	26/03/06	EM24111			
4	22402328	NGUYỄN CÔNG THÀNH	ĐỖ	03/08/06	EC24111			
5	22401743	TRẦN DUY	HẢI	02/03/06	SE24111			
6	22401643	LÂM QUỲNH	HƯƠNG	06/12/06	DK24111			
7	22401674	TRƯƠNG HIẾU	KHÁNH	24/05/06	DM24111			
8	22401669	PHAN NHẬT	KHÔI	07/10/06	DM24111			
9	22401751	LÊ ĐÌNH	LONG	04/10/06	EM24111			Cấm thi
10	22401769	TRƯƠNG QUANG	MINH	14/07/06	TT24111			
11	22402001	TRẦN LÊ THIÊN	NGHI	13/12/06	DM24111			
12	22401697	NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYỄN	10/10/06	EM24111			
13	22401847	HUYỀN THỊ YẾN	NHI	05/08/06	EM24111			
14	22402027	NGUYỄN ĐAN	NHI	20/04/06	DK24111			
15	22401969	THÁI NHÃ	PHƯƠNG	24/01/06	EM24111			
16	22401936	NGUYỄN ĐOÀN MINH	QUÂN	07/07/06	DM24111			
17	22401917	NGUYỄN DƯƠNG NHƯ	QUỲNH	15/09/06	DM24111			
18	22401665	TRẦN MINH THÁI	THANH	08/04/06	EM24111			
19	22401635	ĐÀO DUY	THÁI	25/01/06	DM24111			
20	22401712	NGUYỄN HỮU	THIÊN	09/02/06	DK24111			
21	22401735	CAO HUỲNH ANH	THƯ	09/05/05	EM24111			
22	22402467	HỨA MẠNH	TUẤN	08/11/06	DK24111			
23	22401668	DƯƠNG THỊ NHƯ	TUYẾT	13/05/06	EM24111			
24	22401687	NGUYỄN	TÚ	11/02/05	SE24111			
25	22402415	PHAN ĐOÀN ANH	TÚ	20/12/06	DK24111			Cấm thi
26	22401696	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	16/02/06	DM24111			
27	22402271	TRỊNH KỶ	VĂN	28/10/06	DM24111			
28	22401757	TRẦN NGỌC KHÁNH	VY	21/07/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 4200 – Số hiệu lớp: 2059
Giảng viên: Nguyễn Phan Thu Thảo
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403010	TRẦN NHẬT	ANH	05/07/04	EC24111			
2	22402542	NGUYỄN CHÂU GIA	BẢO	23/10/06	DK24111			
3	22402921	LƯƠNG NGỌC YẾN	BÌNH	01/01/06	DK24111			
4	22402889	VÕ BẢO	CHÂU	18/12/06	DM24111			
5	22402725	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	17/04/06	DK24111			
6	22402922	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	27/01/06	DM24111			
7	22402974	NGÔ NGUYỄN QUỐC	HUY	01/10/06	EC24111			
8	22402931	TẶNG PHÚC	HƯNG	10/11/06	TT24111			
9	22401142	VŨ DOANH	HƯNG	21/04/06	AI24111			
10	22402898	ĐÀO NGỌC BẢO	LINH	20/05/06	DM24111			
11	22403026	TRỊNH GIA	LINH	03/02/06	EC24111			
12	22402741	LÊ QUANG	LONG	28/07/06	DM24111			
13	22402899	PHÙNG CÙNG	LỢI	22/07/06	DK24111			
14	22402811	LẠI PHƯƠNG	MAI	30/09/03	DK24111			
15	22403196	LÝ VĨ	MINH	18/07/06	EC24111			
16	22402848	PHẠM BẢO KHÁNH	MINH	30/08/06	EM24111			
17	22403221	HONG QUANG	MỸ	03/12/06	DK24111			Cấm thi
18	22402692	PHAN CHÍ	NGHĨA	06/12/04	TT24111			
19	22402471	LÊ HOÀNG GIA	PHÁT	14/11/06	DK24111			
20	22402879	TRẦN NGUYỄN TUẤN	PHONG	03/02/06	DK24111			
21	22402911	ĐỖ GIA	PHÚ	19/08/06	DM24111			
22	22402845	HOÀNG HỒNG MAI	PHƯƠNG	31/10/06	EM24111			
23	22403207	SÒI NGỌC	SƠN	05/09/04	SE24111			
24	22403138	LÊ TẤN	TÀI	19/11/04	DK24111			Cấm thi
25	22402944	NGUYỄN	THẮNG	31/07/06	SE24111			
26	22204729	ĐỖ VĨ	TIẾN	20/09/94	TT22111			
27	22402702	LÂM TRÚC	VY	15/01/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 2500 – Số hiệu lớp: 2042
Giảng viên: Ngô Thị Dương
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403024	VŨ GIA	BẢO	04/12/06	QL24111			
2	22401369	PHẠM NGUYỄN MINH	CHÍ	28/01/06	QL24111			
3	22400583	NGUYỄN CÔNG	DANH	15/10/06	QL24111			
4	22112614	TRƯƠNG HOÀNG	DUY	01/02/03	TV21111			Cấm thi
5	22400911	ĐỖ THÁI HUY	HÀO	12/01/06	QL24111			
6	22401397	HÀ TRÍ	HẢI	04/04/05	QL24111			Cấm thi
7	22402774	NGUYỄN TUẤN	HẢI	22/05/06	QL24111			
8	22402764	LÊ NGUYỄN XUÂN	HIẾU	10/05/06	QL24111			
9	22402726	ĐẶNG THÁI	HÒA	25/09/06	QL24111			
10	22401533	PHAN ĐẠT	HUY	21/09/05	QL24111			
11	22400712	TRẦN PHẠM MINH	HUY	13/08/06	QL24111			
12	22401003	HỒ VĨ	HƯNG	22/03/06	QL24111			
13	22401613	NGUYỄN TRẦN	KHA	30/04/06	QL24111			
14	22403007	TRƯƠNG TUẤN	KHANH	28/11/06	QL24111			
15	22401112	HỨA DUY	KHẢI	18/03/06	QL24111			
16	22401350	PHẠM ĐÌNH MINH	KHÔI	29/12/06	QL24111			
17	22401297	LAI KIM	MINH	01/11/06	QL24111			
18	22400073	NGÔ HOÀNG BẢO	NGỌC	01/01/06	QL24111			
19	22400464	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	19/12/05	QL24111			
20	22401358	LÊ QUANG	NHẬT	02/10/06	QL24111			
21	22401353	QUÁCH THIÊN	PHONG	11/04/06	QL24111			
22	22402301	NGUYỄN ĐOÀN	PHÚC	05/04/06	QL24111			
23	22401340	ĐỖ NGỌC	SƠN	23/08/06	QL24111			
24	22400939	LÝ TUẤN	TÀI	14/08/06	QL24111			
25	22401270	NGUYỄN MINH	TÀI	17/09/06	QL24111			
26	22402056	PHẠM NHỰT	TÂN	14/05/06	QL24111			
27	22401590	TRẦN THÁI HỮU	THỊNH	11/02/06	QL24111			
28	22402713	HUỲNH GIA	TIẾN	16/11/06	QL24111			Cấm thi
29	22401639	LÊ VĂN	TIẾN	15/11/06	QL24111			Cấm thi
30	22400425	ĐẶNG BẢO	TÍN	22/11/02	QL24111			
31	22401271	NGUYỄN BÁ	TOÀN	09/01/06	QL24111			
32	22206599	DƯƠNG TRẦN DUY	TRƯỜNG	02/10/04	QL22111			
33	22400935	TRƯƠNG CÔNG	TRÚ	31/08/06	QL24111			Cấm thi
34	22400196	NGUYỄN THANH	TÙNG	28/10/06	QL24111			
35	22403124	LÊ MINH CÁT	TƯỜNG	18/05/06	QL24111			
36	22401359	NGUYỄN NHÂN	VĂN	04/11/06	QL24111			
37	22402745	ĐÀO HUỲNH ANH	VŨ	30/08/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3100 – Số hiệu lớp: 2048
Giảng viên: Đàm Tấn Thành
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400428	TRẦN THUY	AN	11/09/04	TN24111			
2	22400127	MAI LÊ LAN	ANH	20/01/06	LG24111			
3	22000663	NGUYỄN VÂN	ANH	18/11/02	KS20111			
4	22400487	ĐẶNG VĂN CHÍ	CƯỜNG	14/06/06	TK24111			
5	22400477	NGUYỄN KHÁNH	DUY	18/01/04	MC24111			
6	22400396	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÂN	26/10/06	LG24111			
7	22401031	LƯU TUYẾT	HOA	15/05/06	TN24111			
8	22400160	BẰNG LƯU QUANG	HUY	21/12/06	NL24111			
9	22400197	NGUYỄN QUỐC	HUY	17/01/06	MK24111			
10	22400189	ĐOÀN XUÂN	HƯƠNG	01/08/04	TC24111			
11	22400406	LÊ QUANG	KHÁNH	19/01/06	MK24111			
12	22400223	LÊ HẢI	KIM	16/01/03	MC24111			
13	22400094	NGUYỄN PHÚC	LỘC	06/07/04	TK24111			Cấm thi
14	22400331	NGUYỄN NGỌC THUY	NGÂN	02/02/06	MK24111			
15	22400379	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	23/03/06	TC24111			
16	22400179	ĐÀO THANH	NGUYỆT	14/03/06	MK24111			
17	22400444	NGUYỄN THUY YẾN	NHI	14/11/04	MC24111			Cấm thi
18	22400126	TRẦN ĐÌNH THẢO	NHI	05/02/05	MC24111			
19	22400345	BÙI QUỐC	PHA	18/03/06	TK24111			
20	22400450	HỒ GIA	PHÁT	26/07/06	LG24111			Cấm thi
21	22400114	LÊ NGUYỄN MINH	TÂM	09/06/04	TK24111			Cấm thi
22	22400335	LÊ MINH	TÂN	10/12/02	LG24111			
23	22400050	TRẦN BÌNH	THÀNH	16/01/05	LG24111			
24	22402844	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	08/05/05	MC24111			
25	22400085	NGUYỄN MINH	THĂNG	15/01/05	MK24111			Cấm thi
26	22400356	NGUYỄN THẢO ANH	THƯ	28/03/06	MC24111			
27	22400195	TRẦN MAI THUY	TIẾN	18/03/06	MK24111			
28	22400394	NGUYỄN THẾ	VINH	16/10/06	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3200 – Số hiệu lớp: 2049
Giảng viên: Trương Trúc Quỳnh
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400539	VŨ NGUYỄN HƯNG	AN	03/10/02	DA24111			Cấm thi
2	22400675	DƯƠNG TUẤN	ANH	22/12/06	TC24111			
3	22403160	NGUYỄN HẢI	ANH	10/08/99	LG24111			
4	22400522	NGUYỄN KIM	ANH	23/02/06	MC24111			
5	22201326	TRẦN KHÁNH	DUY	07/09/04	DA22111			
6	22400549	PHAN THÀNH	ĐỨC	24/07/06	TC24111			
7	22400517	NGUYỄN CAO QUANG	HUY	07/04/06	LG24111			
8	22400647	NGUYỄN NỮ AN	KHƯƠNG	02/03/06	DA24111			
9	22400523	NGUYỄN ANH	KIỆT	13/11/04	TK24111			
10	22400503	VŨ HUỖNH KHÚC	LAN	08/10/02	MK24111			
11	22400689	HOÀNG	LONG	18/09/06	TN24111			Cấm thi
12	22400519	VŨ HOÀNG KHÁNH	NGÂN	28/11/06	LG24111			
13	22400637	LƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	02/03/05	MK24111			
14	22400616	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	07/10/03	LG24111			
15	22400526	TẶNG PHÚC	NGUYỄN	18/10/06	DA24111			
16	22400494	ĐOÀN TRƯỜNG	PHÁT	17/08/02	LG24111			Cấm thi
17	22400628	TRƯƠNG THỊ	PHƯỢNG	11/02/06	MC24111			
18	22400501	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	22/05/06	MC24111			
19	22400707	TRẦN TUỆ	SANG	06/12/05	TK24111			
20	22400567	CHÂU MỸ	TÂM	06/03/06	TC24111			
21	22400499	NGUYỄN TUẤN	THANH	28/10/06	LG24111			
22	22400553	LÊ PHÚC	THÀNH	04/12/06	MC24111			
23	22400498	VŨ TẤN	THÀNH	18/09/06	TN24111			
24	22400515	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	15/12/06	MC24111			
25	22400686	BÙI NGỌC QUỐC	THỊNH	14/03/06	TN24111			
26	22400724	NGUYỄN LÊ	THUẦN	06/03/06	LG24111			
27	22400677	BÙI NGỌC ANH	THƯ	13/09/06	NL24111			
28	22400604	NGUYỄN HỒ THANH	VÂN	20/08/06	DA24111			
29	22400619	ĐẶNG TRẦN HẢI	YẾN	28/09/95	TK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3300 – Số hiệu lớp: 2050
Giảng viên: Đoàn Quốc Vinh
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400134	VÕ HOÀNG MINH	ANH	07/12/06	MC24111			
2	22400742	LƯU DIỆU	ÁI	29/05/03	TC24111			
3	22400895	VÕ HOÀNG QUỐC	BẢO	04/06/06	TK24111			
4	22400770	HỨA MỸ	CHÂU	01/06/06	MC24111			
5	22400769	VŨ THỊ THANH	ĐAN	12/10/06	DA24111			
6	22400825	TẶNG VĂN	ĐẶNG	14/01/06	MC24111			
7	22400728	LÊ PHẠM GIA	HÂN	31/08/06	MC24111			
8	22400876	CAO HOÀNG PHI	HÙNG	17/01/06	MC24111			
9	22400860	HUỲNH THANH	HƯƠNG	05/11/05	MC24111			
10	22400774	HUỲNH MINH	KHÔI	25/05/05	LG24111			
11	22400768	LÒ THUY BẢO	KHUYỀN	13/06/06	LG24111			
12	22400810	LƯU TIỂU	MÃN	12/03/06	TC24111			
13	22207773	DƯƠNG ANH	MINH	08/10/04	QL22111			
14	22400848	NGUYỄN HUỲNH THÁI	NGỌC	27/11/06	LG24111			
15	22400858	VÕ PHAN ÁNH	NGUYỆT	10/07/06	NL24111			
16	22400920	TRẦN KIM	NGUYỄN	31/07/06	MC24111			
17	22400809	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/01/06	LG24111			
18	22400750	CHÂU THÀNH	PHÁT	18/10/06	DA24111			
19	22400754	HỒ TUẤN	PHƯƠNG	03/11/06	DA24111			
20	22400474	HOÀNG QUỐC	QUÂN	15/07/05	TV24111			
21	22400739	ĐẶNG THÚY	QUỲNH	15/10/05	MC24111			
22	22206823	HOÀNG VĂN BẢO	THÁI	02/08/04	QL22111			
23	22400918	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	14/12/05	MK24111			
24	22400817	NGUYỄN NGỌC MINH	THUY	26/07/06	TC24111			
25	22400762	LA NGUYỄN NHẬT	TIẾN	07/09/05	MC24111			
26	22400743	ĐINH THỊ THUY	TRANG	20/11/05	TC24111			
27	22400773	PHAN UYÊN	TRANG	04/02/06	MC24111			
28	22400833	TRẦN NGUYỄN TÚ	TRINH	21/09/06	LG24111			
29	22400864	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	23/10/06	MC24111			
30	22400814	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	24/03/06	TK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 3400 – Số hiệu lớp: 2051
Giảng viên: Đỗ Quốc Khánh
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401022	ĐẶNG NGỌC QUỲNH	ANH	15/09/06	LG24111			
2	22401015	PHẠM TUẤN	ANH	25/01/02	MC24111			
3	22400981	LÊ NGỌC	BÍCH	15/03/06	MK24111			
4	22400994	HỒNG NGỌC	BỘI	04/10/06	MC24111			
5	22300139	LÂM TUỆ	BỬU	19/11/04	MK23111			
6	22401027	DƯƠNG NGỌC THÙY	DUNG	24/08/06	LG24111			
7	22400963	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	27/11/04	TN24111			
8	22400937	LÊ THIÊN PHƯƠNG	GIANG	10/08/06	TK24111			
9	22400953	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	13/06/06	LG24111			
10	22400962	LAI GIA	HÂN	04/10/06	MC24111			
11	22400933	VÕ VĂN	KIỆT	26/09/06	MK24111			
12	22400985	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGÂN	27/04/06	MK24111			
13	22400949	VÕ NGUYỄN TUYẾT	NHI	05/12/06	TN24111			
14	22400982	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NHƯ	24/11/06	MK24111			
15	22400092	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	17/08/02	NH24111			
16	22400961	VÕ CHÂU ÁI	PHƯƠNG	09/09/06	TC24111			
17	22400988	ĐOÀN CÔNG	QUÍ	27/03/06	TN24111			
18	22401000	LÊ THANH	THẢO	08/12/06	MC24111			
19	22401026	NGUYỄN NGỌC ĐOÀN	TRANG	25/05/05	TN24111			
20	22401025	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	27/11/06	MK24111			
21	22401007	NGUYỄN KIỀU	TRINH	03/01/06	LG24111			
22	22400943	NGUYỄN NGỌC TÚ	TRINH	14/12/05	LG24111			
23	22400983	HUỲNH ANH	TUẤN	15/10/06	LG24111			
24	22400942	NGÔ HOÀNG	TUẤN	05/03/06	TC24111			
25	22401028	NGUYỄN PHẠM MINH	TUẤN	30/07/06	MC24111			
26	22401029	NGÔ LÊ	VÂN	28/04/06	LG24111			
27	22400999	NGUYỄN PHÚ	VINH	11/11/06	TN24111			
28	22400978	ĐỖ ÁNH GIA	VY	04/03/04	NL24111			
29	22401005	HUỲNH THẢO MINH	VY	17/02/06	MC24111			
30	22400927	NGUYỄN THẢO	VY	21/08/06	TK24111			
31	22400975	NGUYỄN THẢO KHÁNH	VY	12/02/03	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 4300 – Số hiệu lớp: 2060
Giảng viên: Nguyễn Phan Thu Thảo
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401069	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	14/01/06	MK24111			
2	22400431	NGUYỄN THẾ HOÀNG	ANH	22/06/06	LG24111			
3	22401120	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	ANH	26/10/06	LG24111			
4	22401306	TRƯƠNG NHẬT	ANH	10/09/06	MK24111			
5	22401127	TRẦN ĐÌNH TÂM	ĐAN	16/01/06	LG24111			
6	22401078	NGUYỄN ANH	HÀO	01/11/06	MK24111			Cấm thi
7	22401047	NGUYỄN NHẬT	HUÂN	27/10/06	DA24111			
8	22401108	DƯƠNG QUỐC	HƯNG	21/12/04	MK24111			
9	22401140	ĐẶNG BẢO	KHANG	26/03/06	MC24111			
10	22401042	TRẦN MẠNH QUỐC	KHÔI	28/10/06	DA24111			
11	22401129	VÕ BÁ	KHÔI	12/02/06	MC24111			
12	22401100	NGUYỄN NGỌC DUY	KIỆT	22/08/06	MC24111			
13	22401084	TRẦN ANH	KIỆT	07/10/06	LG24111			
14	22401281	DƯƠNG KHÁNH	LINH	01/01/06	MK24111			
15	22401086	TRẦN LÊ TRÚC	LINH	07/05/06	MK24111			
16	22401094	TRƯƠNG THỊ THU	NGÂN	26/12/03	TK24111			
17	22401068	LƯƠNG QUÍ TRUNG	NGHĨA	17/10/06	LG24111			
18	22401089	NGUYỄN MINH BẢO	NGỌC	04/08/06	LG24111			
19	22401158	NGUYỄN DƯƠNG TRỌNG	NHÂN	02/01/06	DA24111			
20	22401096	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	06/12/06	MC24111			
21	22401075	TRẦN TẤN	PHÁT	16/05/06	TN24111			Cấm thi
22	22401104	DƯƠNG HÀ	PHƯƠNG	29/06/06	MC24111			
23	22401073	TRANG THANH	QUANG	10/06/06	LG24111			
24	22401097	LÊ NGUYỄN TRỌNG	QUÝ	05/02/06	DA24111			Cấm thi
25	22401291	PHAN TẠ BẢO	THIỆN	19/02/06	NL24111			
26	22401057	LƯU KIM	THÚY	01/09/06	MC24111			
27	22400216	NGUYỄN LÝ MINH	THỨ	18/05/06	MC24111			
28	22401175	TRẦN THỊ ANH	THỨ	06/01/06	MC24111			
29	22401053	HOÀNG DUY	THỨC	08/08/06	MK24111			
30	22401090	NGUYỄN GIA YẾN	TRANG	15/12/06	MC24111			
31	22401729	NGUYỄN ĐỖ THẢO	VY	06/04/03	NT24111			
32	22401168	TRƯƠNG HẢI	YẾN	09/02/06	TK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 4400 – Số hiệu lớp: 2061
Giảng viên: Nguyễn Thị Huệ
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401456	NGUYỄN QUỐC	AN	22/04/04	NL24111			
2	22401562	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	18/07/06	TC24111			Cấm thi
3	22401320	PHÙNG THỊ LAN	ANH	08/06/06	MK24111			
4	22401321	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/02/06	TN24111			
5	22401381	TRỊNH PHÁT	ĐẠT	07/02/06	MC24111			
6	22401468	MAI MINH	HIẾU	15/04/06	MC24111			
7	22401532	PHẠM MINH	HIỀN	07/01/05	DA24111			Cấm thi
8	22401477	ĐOÀN KHÁNH	LINH	04/01/06	LG24111			
9	22401338	TRẦN VŨ HOÀNG	LUÂN	07/03/06	LG24111			
10	22401481	NGUYỄN	MÃN	07/05/06	MC24111			
11	22401307	LƯU GIA	MỸ	20/12/06	MK24111			Cấm thi
12	22401480	NGUYỄN LÊ QUANG	NHẬT	03/03/06	NL24111			
13	22401454	NGUYỄN LÊ QUỲNH	NHƯ	03/09/06	MC24111			
14	22401537	NGUYỄN PHAN QUỲNH	NHƯ	25/01/06	LG24111			
15	22401377	LÊ ANH	PHƯƠNG	07/12/05	DA24111			Cấm thi
16	22401295	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	16/12/06	MK24111			
17	22401569	NGUYỄN PHÙNG CÁT	PHƯỢNG	22/01/06	TC24111			
18	22401525	PHẠM ANH	TÀI	23/04/06	LG24111			
19	22401310	VĂN THỊ NGỌC	THỊNH	08/01/06	MC24111			
20	22401372	BÙI THỊ THANH	THUY	16/02/06	MC24111			
21	22401511	LƯ NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	10/05/06	MC24111			
22	22401571	HUỲNH THÁI	TUẤN	06/10/06	DA24111			
23	22401453	TRẦN NGUYỄN GIAO	TUYỀN	01/01/05	MC24111			
24	22401328	NGUYỄN HOÀNG TÚ	UYÊN	09/09/06	TK24111			
25	22401458	HUỲNH NGUYỄN PHƯƠNG	VY	09/07/06	MC24111			
26	22401413	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	27/05/06	MK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 4500 – Số hiệu lớp: 2062
Giảng viên: Ngô Anh Chi
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401644	NGUYỄN TẤN	AN	20/04/05	MC24111			
2	22401606	NGUYỄN VƯƠNG QUỐC	ANH	27/01/06	LG24111			
3	22401806	PHÙNG LÂM	HÂN	10/01/06	MK24111			
4	22401833	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	27/04/06	LG24111			
5	22401832	BÙI VĂN	KHẢI	13/06/06	NL24111			
6	22401749	VŨ HOÀNG ANH	KHOA	09/01/06	MK24111			
7	22401692	PHAN VÕ HÀ	MY	15/04/06	MK24111			
8	22401653	PHẠM TĂNG THANH	NGÂN	19/12/06	MK24111			
9	22401754	VÕ CẨM	NGHI	29/01/06	TC24111			
10	22401677	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	18/12/06	NL24111			
11	22400904	PHAN ĐIỂM	NGỌC	07/07/06	MK24111			
12	22401626	LÊ ĐÀM QUANG	NHẬT	26/08/06	MC24111			
13	22401718	BÙI ĐÌNH	PHÁT	09/06/06	MC24111			
14	22401770	HỒ NGUYỄN TẤN	PHÁT	10/05/06	TN24111			
15	22401726	PHẠM HOÀNG MINH	PHƯƠNG	16/08/06	TN24111			
16	22401768	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	05/01/05	MK24111			
17	22401645	TRẦN HỮU	SANG	05/07/06	LG24111			
18	22401574	NGUYỄN THU THANH	THẢO	14/12/06	TN24111			
19	22401680	ĐÌNH QUỐC	THẮNG	18/09/06	TN24111			Cấm thi
20	22401581	NGUYỄN LAM	THY	28/03/06	MC24111			
21	22401845	PHẠM NGUYỄN MINH	TIẾN	16/11/06	LG24111			
22	22401662	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	12/12/06	DA24111			
23	22401746	NGUYỄN TRỌNG	TRƯỜNG	26/05/06	LG24111			
24	22401870	LÂM PHƯƠNG	UYÊN	07/08/06	MC24111			
25	22401582	KA LÔ IT LÊ	VY	28/11/06	TC24111			
26	22401914	LÊ KHÁNH	VY	02/09/04	MK24111			
27	22401583	NGUYỄN NGỌC THUỶ	VY	30/06/06	NL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 4600 – Số hiệu lớp: 2063
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402225	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	ANH	11/03/06	TC24111			
2	22402130	HUỲNH QUỐC	CƯỜNG	11/06/06	LG24111			
3	22402611	LÊ QUỐC	HÀO	21/10/06	TC24111			
4	22402635	NGUYỄN HÙNG	HẬU	29/08/06	TC24111			
5	22402678	NGUYỄN THÁI VŨ	LÂM	26/12/05	TN24111			
6	22402179	ĐỖ UYỄN	MY	07/11/06	MK24111			
7	22402108	HỒ THỊ TRÀ	MY	18/04/06	TC24111			
8	22402188	NGUYỄN NHẬT	NAM	25/02/06	MC24111			
9	22402699	NGUYỄN QUỲNH BẢO	NGỌC	16/11/06	TC24111			
10	22401938	LƯU TẤN	NHẬT	19/10/06	TC24111			
11	22401968	NGUYỄN THÁI HIỀN	NHI	24/01/06	LG24111			
12	22402173	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	NHI	16/03/06	MK24111			Cấm thi
13	22402482	TRẦN PHẠM THẢO	NHI	23/12/06	LG24111			
14	22140211	NGUYỄN VÕ PHƯƠNG	NHUNG	01/09/03	NT21111			
15	22402083	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/10/06	MC24111			
16	22402694	NGUYỄN HỒ NGỌC	NHƯ	08/06/06	MK24111			
17	22402728	HOÀNG THỊ LÂM	OANH	14/04/06	MK24111			
18	22402272	LÊ LÂM HOÀNG	OANH	17/10/06	LG24111			
19	22402032	TRẦN NGỌC	PHỤNG	21/11/06	NL24111			
20	22401923	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	08/08/02	TC24111			Cấm thi
21	22402680	LƯƠNG VĨNH	SANH	13/10/06	MK24111			
22	22402686	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	08/04/06	NL24111			
23	22402020	TRẦN PHƯƠNG ANH	THƯ	19/05/06	TN24111			
24	22401963	TRẦN THANH ĐIỂM	THY	28/05/05	TC24111			
25	22401988	HUỲNH TÚ	TRANG	10/09/06	MK24111			
26	22402054	NGUYỄN PHẠM NGỌC	TỶ	24/05/06	NL24111			
27	22402180	TRẦN HUỲNH TÚ	UYÊN	09/03/06	MK24111			
28	22402081	NGUYỄN ĐỨC	VIỆT	28/07/06	MK24111			Cấm thi
29	22402736	PHAN QUANG	VINH	26/04/06	TC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 4700 – Số hiệu lớp: 2064
Giảng viên: Nguyễn Bùi Nhật Hoàng
Ngày thi: 04/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403156	PHAN NGÔ HÒA	AN	27/01/06	TN24111			Cấm thi
2	22402762	HÀ NGỌC MỸ	ANH	01/05/06	MK24111			
3	22402869	NGUYỄN TUYẾT NGOC	CHÂU	31/05/06	MK24111			
4	22402943	TRẦN THỊ KIM	CHI	05/08/06	LG24111			
5	22402950	TRẦN TUẤN	ĐẠT	11/11/05	LG24111			Cấm thi
6	22402820	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	12/04/06	MK24111			
7	22402825	HÀ TUẤN	HIỀN	27/08/06	MC24111			
8	22402808	NGUYỄN PHAN GIA	HUY	19/02/06	TC24111			
9	22402861	NGUYỄN TRẦN GIA	HUY	08/10/06	TC24111			
10	22402924	NGUYỄN HOÀNG GIA	KHANG	20/01/06	TC24111			
11	22403082	NGUYỄN HOÀNG MINH	KHÔI	15/07/03	MC24111			
12	22403019	OBA	KIÊN	09/02/04	LG24111			
13	22402866	BÙI THỊ THUỖ	LINH	25/01/06	LG24111			
14	22400320	LỖ HẠ	MY	26/03/06	MC24111			
15	22402828	HUYỀNH SONG	NGÂN	25/10/06	NL24111			
16	22403111	VÕ KIM	NGÂN	19/08/06	LG24111			
17	22402901	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	10/08/06	MK24111			
18	22402868	LÃ DUY	PHÚC	26/04/06	MK24111			
19	22402927	NGÔ TRẦN THIÊN	PHÚC	14/10/06	DA24111			
20	22402884	BÙI THỊ BÍCH	PHƯỢNG	28/02/06	LG24111			Cấm thi
21	22402976	NGUYỄN CHÍ	QUANG	17/05/06	LG24111			
22	22402739	ĐỖ MINH	QUÂN	24/01/06	LG24111			
23	22403189	NGUYỄN MINH	QUYỀN	13/11/03	NL24111			Cấm thi
24	22402873	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	04/08/06	MK24111			
25	22402778	NGUYỄN TẤN	SANG	20/08/06	NL24111			
26	22402752	TÔ ĐỨC	SINH	26/11/06	LG24111			Cấm thi
27	22402817	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	27/11/06	LG24111			
28	22403220	TRẦN TUẤN	TÀI	08/07/03	MK24111			
29	22402904	LỖ KHÁNH	VÂN	12/01/06	MK24111			
30	22402787	NGUYỄN QUANG	VINH	18/10/06	LG24111			
31	22402838	NGUYỄN HOÀNG NHƯ	Ý	13/04/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5000 – Số hiệu lớp: 2065
Giảng viên: Nguyễn Hường Anh
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402807	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	03/06/06	KS24111			Cấm thi
2	22402819	NGŨ QUỐC HỒNG	ÂN	29/10/06	DL24111			Cấm thi
3	22401641	LÊ HOÀI	BẢO	11/11/06	KS24111			Cấm thi
4	22400659	HUỖNH KHANG	BÌNH	08/05/06	KS24111			
5	22400872	NGUYỄN MINH	CHÂU	24/02/06	KS24111			
6	22400861	HUỖNH THỊ MINH	DINH	09/08/06	KS24111			
7	22400387	DƯƠNG PHƯỚC	HẢI	09/11/06	DL24111			
8	22400705	TÔ NAM	HẢI	12/05/06	KS24111			
9	22401152	HUỖNH PHẠM NGỌC	HÂN	23/09/06	KS24111			
10	22402823	CHUNG THANH	HIỂN	15/07/06	DL24111			
11	22400367	ĐINH ĐỨC	HÒA	08/12/06	KS24111			
12	22401176	NGUYỄN MINH	KHANG	29/01/06	KS24111			
13	22401931	PHẠM MINH	KHÁNH	25/12/06	AI24111			
14	22401895	VÕ TRUNG	KIẾN	30/03/06	NH24111			
15	22401519	TRẦN ĐOAN PHƯƠNG	LINH	18/12/06	KS24111			
16	22402705	HUỖNH	MAI	28/06/06	KS24111			
17	22400847	NGUYỄN HOÀNG HẢI	MY	17/12/06	KS24111			
18	22401111	NGUYỄN ĐỖ THỊ NGỌC	MY	21/04/06	DL24111			
19	22402863	HOÀNG PHƯƠNG	NAM	06/06/06	DL24111			
20	22402727	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	NGHI	05/06/06	KS24111			
21	22403046	TẶNG MỸ	NGHI	14/10/06	NH24111			
22	22401633	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	30/03/06	NH24111			
23	22400456	TRẦN XUÂN	NHI	16/10/06	KS24111			
24	22401706	LƯƠNG GIA	NHON	10/01/06	NH24111			
25	22401826	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NINH	10/02/06	NT24111			
26	22401655	VÕ TRẦN HUY	PHÁT	23/04/06	NH24111			
27	22403095	HUỖNH THIÊN	PHÚC	19/08/06	NH24111			
28	22400824	PHẠM XUÂN	QUỖNH	02/07/06	KS24111			
29	22401072	CÁI HOÀNG	SANG	28/02/06	NH24111			
30	22401546	PHẠM THỊ THANH	TÂM	26/05/06	DM24111			Cấm thi
31	22400610	TỔNG MINH	THI	16/06/06	KS24111			
32	22401637	NGUYỄN HƯNG	THỊNH	18/08/06	NH24111			
33	22401478	ĐỖ THỊ MINH	THƯ	29/12/06	KS24111			
34	22401389	LƯU ANH	THƯ	03/01/06	KS24111			
35	22203947	TRẦN THỊ ANH	THƯ	07/06/04	TC22111			
36	22400657	VŨ ANH	THƯ	09/12/06	NH24111			
37	22400890	TRẦN NGỌC THỦY	TIẾN	01/03/06	KS24111			
38	22401545	NGUYỄN HIẾU	TRUNG	23/09/06	KS24111			
39	22402955	NGÔ THANH	TRÚC	18/06/06	DL24111			
40	22402097	BÙI KHÁNH	VÂN	08/07/06	KS24111			
41	22402915	HOÀNG PHƯƠNG	VY	09/07/06	KS24111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22402923	TRẦN PHẠM HÀ	VY	15/05/06	NT24111			
43	22402883	VÕ HOÀNG UYÊN	VY	10/10/06	AI24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5300 – Số hiệu lớp: 2068
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Thiên Nam
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400922	TRẦN LÊ BÌNH	AN	25/05/06	PR24111			
2	22400590	NGUYỄN CAO PHƯƠNG	ANH	24/09/06	PR24111			
3	22400586	NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC	ANH	14/11/06	TV24111			
4	22400577	KHUU HIỀN	ÂN	24/09/05	TV24111			
5	22400203	LÊ THỊ HOÀI	ÂN	22/08/06	PR24111			
6	22400037	PHẠM LINH	CHI	18/10/05	TV24111			
7	22400891	TRANG MINH	CHIẾN	24/06/06	TV24111			
8	22400655	CHU SÙNG	DUY	22/12/04	TV24111			
9	22400944	NGUYỄN KHẢI	DUY	25/02/05	FT24111			
10	22400965	NGUYỄN QUỐC	ĐẶNG	02/05/06	FT24111			
11	22400516	BÙI HOÀNG Y	ĐÌNH	13/10/06	PR24111			
12	22400401	LÊ THỊ THANH	HIỀN	11/03/06	TV24111			
13	22400917	NGUYỄN QUỐC	HUY	08/06/00	KT24111			
14	22400883	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	04/08/06	NT24111			
15	22400405	ĐẶNG THỊ MAI	HƯƠNG	14/10/06	TV24111			
16	22207772	TRƯƠNG THỊ KIM	HƯƠNG	24/09/03	NT22111			
17	22207705	PHAN THÀNH	KHANG	08/05/03	MK22111			
18	22400473	BÙI CHÍ	KHANH	25/01/06	FT24111			
19	22400687	VŨ TRỌNG	KHÁNH	02/10/06	KS24111			
20	22400470	HUYỀN PHẠM ĐĂNG	KHOA	22/10/06	PR24111			
21	22400461	PHẠM THỊ TUYẾT	LAN	17/10/06	TV24111			
22	22400535	LƯƠNG THANH	LÊ	08/04/06	TV24111			
23	22400709	ĐỖ HUY	LONG	24/05/06	TV24111			
24	22204711	PHẠM HỒ XUÂN	MAI	15/07/04	NT22111			
25	2191436	NGÔ NGUYỄN THẢO	MI	25/11/01	NH19111			
26	22401500	HỒ MINH	NGUYỆT	02/02/01	TT24111			
27	22400829	TRẦN ĐOÀN PHƯỚC	NGUYỄN	31/10/06	TV24111			
28	22400205	LƯƠNG MỸ	NHƯ	30/03/06	KT24111			
29	22400098	TRẦN QUỲNH	NHƯ	17/03/06	NT24111			Cấm thi
30	22400175	NGÔ VÕ MINH	QUÂN	26/06/06	TV24111			
31	22207647	NGUYỄN VĂN PHÚ	QUỐC	12/10/02	TV22111			
32	2171143	PHẠM THANH	TÂM	25/08/99	KS1711			
33	22400822	VIÊN ĐỨC	THÀNH	06/05/06	TV24111			Cấm thi
34	22400632	NGUYỄN KIM	THẢO	08/06/06	PR24111			
35	22118584	LÊ THÀNH	THUẬN	15/06/03	LG21111			
36	22400552	PHÙNG ANH	THƯ	02/03/06	PR24111			
37	22400429	LÊ THỊ GIÁNG	TIẾN	25/04/06	TV24111			
38	22011328	HOÀNG HÀ	TRANG	01/04/02	TV20111			
39	22400142	NGUYỄN THÚY	VÂN	07/08/06	KT24111			
40	22200014	NGÔ THỊ	VIÊN	19/04/00	KN22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5400 – Số hiệu lớp: 2069
Giảng viên: Vương Ngọc Tiên
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401012	HUỖNH NHỰT VÂN	ANH	27/10/06	NT24111			
2	22401724	NGUYỄN NGUYỄN TRÚC	ANH	20/05/06	NT24111			
3	22401558	NGUYỄN ĐỨC GIA	BẢO	22/02/06	TV24111			
4	22302509	VÕ THỊ QUỲNH	CHÂU	10/08/01	NT23111			
5	22401604	LÊ PHƯƠNG	DANH	25/03/00	PR24111			
6	22401538	ĐÌNH TRẦN TRÍ	DŨNG	22/06/06	TV24111			
7	2193191	HUỖNH ĐOÀN MINH	ĐẠT	05/11/01	MK19111			Cấm thi
8	22401122	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	03/03/06	TV24111			
9	2181179	ĐỖ HOÀNG	GIA	09/12/00	MT1811			
10	22401124	LÊ THỊ NGỌC	GIÀU	11/08/06	NT24111			
11	22401640	TRẦN MINH	HIỂU	24/08/06	TV24111			
12	22401527	NGUYỄN TRUNG	HIỂU	31/01/06	FT24111			
13	22401171	PHAN HỒ VĨNH	HOÀNG	16/06/06	NT24111			
14	22401113	NGUYỄN LỮ	HỒNG	02/08/06	TV24111			Cấm thi
15	22401081	NGUYỄN KIỀU GIA	HUY	27/02/05	KS24111			Cấm thi
16	22000499	TRẦN VĨNH	HƯNG	23/10/01	TN20111			
17	22400998	HUỖNH THIÊN	HƯƠNG	21/05/06	NT24111			Cấm thi
18	22400455	NGUYỄN PHÚ	KHÁNH	13/04/06	KS24111			
19	22400654	NGUYỄN LÊ TUẤN	KHOA	13/03/06	LG24111			
20	22011110	VÕ TUẤN	KIỆT	20/12/02	NT20111			
21	22001933	ĐÌNH THỊ THẢO	LI	03/11/02	NT20111			
22	22401783	HOÀNG KHÁNH	LINH	18/08/06	TV24111			
23	22401654	BÙI GIA	LỘC	29/06/06	TV24111			
24	22401091	NGUYỄN HOÀNG	MINH	08/04/06	NT24111			
25	22401101	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	NGA	03/08/06	NT24111			
26	22401659	LÊ THỊ KIM	NGÂN	05/12/06	TV24111			
27	22401412	NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYỄN	19/05/06	NT24111			
28	22401393	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NHUNG	13/08/06	NT24111			
29	22401404	TRẦN LÊ Ý	NHƯ	24/12/06	TV24111			
30	22401323	HUỖNH XUÂN	PHÁT	12/01/06	PR24111			
31	2171948	LÊ NGỌC THANH	QUYÊN	08/07/99	MK1711			
32	22401570	ĐẶNG CHÂU NHƯ	QUỲNH	22/04/06	KT24111			
33	22111684	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	02/03/03	TV21111			
34	22401045	NGUYỄN TRUNG	THÔNG	17/09/06	TV24111			
35	22401050	NGUYỄN MINH	THƯ	17/10/06	TV24111			
36	22401678	TRẦN THỊ CẨM	TIỀN	28/11/06	NT24111			
37	22401368	TẠ THUỖ	TRANG	10/05/06	FT24111			
38	22400971	NGUYỄN HUỖNH NGỌC	TRÂM	24/10/06	NT24111			
39	22401351	LÊ HÀ ANH	TUẤN	13/09/06	NT24111			Cấm thi
40	22401657	PHAN THỊ MỸ	UYÊN	26/09/06	KT24111			
41	22401402	TRẦN THANH	XUÂN	02/01/06	PR24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5500 – Số hiệu lớp: 2070
Giảng viên: Võ Minh Nhã
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402718	HUỲNH NGỌC TUYẾT	ANH	17/10/06	TV24111			
2	22402793	TRẦN VŨ MINH	CHUYÊN	28/12/06	NT24111			
3	22402092	NGUYỄN GIA	HÂN	16/10/06	NT24111			
4	22402716	NGUYỄN VŨ THIÊN	HÙNG	18/02/06	FT24111			
5	22402882	NGUYỄN VIỆT DUY	HƯNG	21/12/06	TV24111			Cấm thi
6	22403040	TRẦN CAM	LINH	15/08/06	NT24111			
7	22403047	PHẠM QUỐC	LONG	05/12/03	TV24111			
8	22402872	NGUYỄN THỊ TRIỆU	MÃN	28/01/06	KT24111			
9	22402088	TRƯƠNG TUỆ	MÃN	18/10/05	NT24111			Cấm thi
10	22402818	TRƯƠNG QUỲNH	MY	27/02/06	PR24111			
11	22402777	HỒ HOÀNG	NAM	20/07/06	NT24111			
12	22403000	HỒ NGUYỄN MINH	NGÂN	17/07/06	KT24111			
13	22403237	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	11/09/06	NT24111			
14	22401973	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	28/04/06	PR24111			
15	22401997	TRẦN BỘI	NGHI	10/01/06	NT24111			
16	22402118	VÕ THIÊN GIA	NGHI	14/04/06	TV24111			
17	22402753	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	05/06/06	TV24111			
18	22403188	PHAN THỊ HUỲNH	NHƯ	13/04/06	NT24111			
19	22402164	NGUYỄN NGỌC NHƯ	PHÚC	11/08/06	NT24111			
20	22402754	VĂN THỊ MỸ	PHƯỚC	18/01/06	KT24111			
21	22402690	LÊ MINH	QUANG	16/02/06	NT24111			
22	22402992	NGUYỄN ĐÌNH MINH	QUÂN	16/11/06	TV24111			Cấm thi
23	22114488	CAO ĐẶNG KIM	QUYÊN	02/10/03	DM21111			
24	22140251	LÂM CHÍ	QUYÊN	31/08/03	TV21111			
25	22402333	TRƯƠNG NHẬT	QUỲNH	23/02/06	NT24111			
26	22402202	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	23/01/06	NT24111			
27	22402676	PHẠM HỒNG	THIÊN	06/02/06	TV24111			
28	22402160	NGUYỄN ANH	THƯ	12/09/06	TV24111			
29	22402017	PHAN THỊ MINH	THƯ	01/02/06	TV24111			
30	22401304	QUÁCH NGỌC MINH	THƯ	02/01/06	NT24111			
31	22402880	LÂM PHƯƠNG	THY	23/09/06	PR24111			
32	22402908	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	25/10/06	NT24111			
33	22402799	TRƯƠNG ĐÌNH	TRÍ	18/02/06	PR24111			
34	22402589	VŨ LÊ HOÀNG	TƯỚC	01/07/06	NT24111			
35	22402860	TRẦN ĐÌNH KHÁNH	VY	11/03/06	FT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5100 – Số hiệu lớp: 2066
Giảng viên: Nguyễn Thị Thanh Hồng
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402010	ĐÀO NGUYỄN MINH	ANH	06/03/06	TL24111			
2	22401103	ĐỖ NHẬT THIÊN	ÂN	22/11/06	TL24111			
3	22400457	LÊ NGUYỄN THÀNH	DANH	07/07/06	PM24111			Cấm thi
4	22112614	TRƯƠNG HOÀNG	DUY	01/02/03	TV21111			Cấm thi
5	2174241	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	05/03/99	TV1711			
6	22400400	LÊ NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	12/05/06	BL24111			
7	2181649	TRẦN QUỐC	HUY	11/12/00	NL1811			
8	22402946	VŨ MẠNH	HÙNG	27/01/06	TL24111			Cấm thi
9	22400725	BÙI DUY	HƯNG	13/05/06	BL24111			Cấm thi
10	22400898	LÊ HOÀNG	KHANG	07/12/06	PM24111			
11	22402117	CAO MINH	KHÔI	20/01/06	TL24111			
12	22401983	NGUYỄN TRẦN MINH	KHUÊ	22/12/06	BL24111			
13	22401098	NGUYỄN THẮNG	LỢI	16/04/06	LW24111			
14	22400859	HUỲNH NGUYỄN HOÀNG	NAM	22/09/06	TL24111			Cấm thi
15	22402801	NGUYỄN LÂM GIA	NGHI	25/10/06	LW24111			
16	22400827	PHẠM THỊ KIM	NGỌC	14/04/06	LW24111			
17	22400358	NGUYỄN THANH THẢO	NGUYỄN	15/11/06	BL24111			
18	22401756	NGUYỄN HOÀNG MINH	NHẬT	12/02/06	PM24111			Cấm thi
19	22401514	NGUYỄN NGỌC Ý	NHI	31/07/05	LW24111			Cấm thi
20	22402847	NGUYỄN TRẦN TÂM	NHƯ	14/01/06	TL24111			
21	2197482	TRỊNH QUỲNH	NHƯ	24/05/01	KT19111			
22	22400694	NGUYỄN THIỆN	PHÚC	23/08/06	PM24111			
23	2193391	TRẦN THỊ NGỌC	TRINH	06/06/01	TV19112			
24	22400701	LƯƠNG ANH	TUẤN	18/10/06	PM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00

Lớp học phần: 5600 – Số hiệu lớp: 2071

Giảng viên: Võ Minh Nhã

Ngày thi: 05/08/2025

Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 047 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400811	LÊ HOÀNG MINH	AN	03/05/06	DM24111			
2	22400158	ĐỖ TRÂM	ANH	14/11/06	EM24111			
3	22400873	LÃ HỒNG	ANH	25/06/06	DM24111			
4	22400362	NGUYỄN ĐỨC	BẢO	24/04/06	DK24111			
5	22400844	PHẠM GIA	BẢO	25/02/06	DK24111			
6	22401984	TRỊNH THỊ THANH	BÌNH	03/04/06	EM24111			
7	22400314	NGUYỄN QUANG	CẢNH	27/02/01	DM24111			
8	22400802	VŨ MINH	ĐỨC	12/04/06	DK24111			
9	22101426	LƯƠNG VĨ	HÀO	07/01/03	TV21111			
10	22115006	TRẦN CHÍ	HÀO	21/09/03	TV21111			
11	22400593	NGUYỄN GIA	HÂN	04/06/06	TT24111			
12	22400140	TRẦN NGUYỄN BẢO	HÂN	15/04/06	DK24111			
13	22400204	TRẦN MINH	HIỆU	20/09/06	EC24111			Cấm thi
14	22400506	NGUYỄN ĐỨC	HUY	27/12/06	EM24111			
15	22400318	LÂM GIA	HY	23/02/06	EM24111			
16	22402058	LƯU THỊ MỸ	LINH	01/10/06	DK24111			
17	22400571	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	17/08/06	DK24111			
18	22113934	NGUYỄN VÕ THÙY	LINH	30/04/03	TV21111			
19	22400661	NGUYỄN PHƯỚC HOÀNG	LỘC	23/12/04	DM24111			
20	22400706	HUYỀN XUÂN	MAI	23/02/06	DK24111			Cấm thi
21	22400074	ĐOÀN VIỆT	MỸ	11/07/02	SE24111			
22	22400826	NGÔ XUÂN HOÀNG	NGÂN	25/05/06	EC24111			
23	22400837	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/08/02	DM24111			
24	22400879	PHẠM THANH	NGỌC	23/01/06	EC24111			
25	22400662	TRẦN THỊ THANH	NHÂN	18/07/06	DM24111			
26	22400090	NGUYỄN HOÀNG	NHI	09/06/06	TT24111			
27	22400881	LÂM NGỌC NGÂN	QUỲNH	28/11/05	DK24111			
28	22400167	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	21/02/06	TT24111			
29	22301272	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	29/09/03	DK23111			
30	22400511	NGUYỄN ANH	THƯ	19/01/06	DK24111			
31	22400564	LÊ THUỖ BÍCH	TIỀN	25/05/06	EM24111			
32	22114341	PHẠM HOÀNG	VĨNH	02/10/03	NH21111			Cấm thi
33	22112171	HUYỀN THỊ ANH	VY	03/12/03	EM21111			
34	22400760	NGUYỄN NGỌC THẢO	VY	07/08/06	TT24111			
35	22400726	TỬ KHẢI	YẾN	15/02/06	EM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5700 – Số hiệu lớp: 2072
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401312	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	AN	28/11/06	TT24111			
2	22401106	NGUYỄN QUỲNH	ANH	22/05/06	EM24111			
3	22401378	PHẠM NGỌC VÂN	ANH	23/10/06	EM24111			
4	22401059	VŨ VIỆT	ANH	17/11/05	DK24111			
5	22401292	NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG	ÁNH	04/09/06	EM24111			
6	22401259	NGÔ GIA	BẢO	13/05/06	TT24111			
7	22400910	NGUYỄN TRƯỜNG BĂNG	BĂNG	07/10/06	EM24111			
8	22400967	HUYỀN KHẢ	DI	21/12/06	DK24111			Cấm thi
9	22401288	NGUY KHẢI	DOANH	09/10/06	DM24111			
10	22401331	VÕ NGỌC	DUYÊN	11/10/05	TT24111			
11	22401093	PHAN PHÚC	ĐỊNH	29/09/06	EM24111			
12	22401058	ÂU DƯƠNG KHẮC	ĐÔNG	13/10/03	TT24111			
13	22401327	LÊ MINH	ĐỨC	17/06/06	DM24111			
14	22401087	TRẦN THANH	HẢI	18/07/06	DM24111			
15	22400906	PHAN NGUYỄN BẢO	HÂN	09/11/06	EM24111			
16	22400899	NGUYỄN TRẦN QUỐC	HUY	19/06/06	EM24111			
17	22401109	CAO ANH	KHOA	25/10/02	EM24111			
18	22401030	LÊ HOÀNG NHẬT	MINH	12/07/06	TT24111			
19	22400987	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	NGUYỄN	18/06/06	EM24111			
20	22401266	NGUYỄN LÊ QUANG	PHÁT	20/10/06	DM24111			
21	22401170	NGUYỄN LƯU	PHƯƠNG	28/11/06	DM24111			
22	22401265	NGUYỄN LÊ QUANG	PHƯỚC	20/10/06	DK24111			
23	22401079	NGUYỄN MINH	THÀNH	13/06/06	DK24111			
24	22401330	NGUYỄN GIA	THỊNH	25/11/06	DM24111			
25	22401034	THÁI BẢO HOÀI	THU	13/07/06	DM24111			
26	22114982	ĐỖ ANH	THƯ	02/03/03	TV21111			
27	22400986	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG	THY	07/01/06	EM24111			
28	22114937	LÊ THỊ THÙY	TRANG	27/10/03	TV21111			
29	22401334	HỒ NGỌC BẢO	TRÂM	30/07/06	DK24111			
30	22401128	NGUYỄN ĐỖ BẢO	TRÂM	17/02/06	DM24111			
31	22401137	MẠCH KHẢI	TUẤN	15/06/06	DM24111			
32	22400940	TRẦN NGỌC CÁT	TƯỜNG	05/12/06	EM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5800 – Số hiệu lớp: 2073
Giảng viên: Trương Trúc Quỳnh
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401471	ĐỖ HOÀNG	ANH	02/12/06	EC24111			
2	22401664	LÊ NGỌC	ANH	02/06/06	DM24111			
3	22401629	HÀ GIA	ÂN	01/01/06	DM24111			
4	22401693	LÊ NGỌC LAN	CHI	14/04/06	DK24111			
5	22401609	VŨ MINH	KHANG	26/11/06	DK24111			
6	22401469	VŨ QUỐC	KHÁNH	14/06/06	EC24111			
7	22402556	LÊ ĐĂNG	KHÔI	06/10/06	EC24111			
8	2171304	TRỊNH HÙNG	LIÊM	03/02/99	DL1712			
9	2199308	LÂM THỊ PHƯƠNG	LINH	23/12/00	LG19112			
10	22401557	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	24/11/06	EC24111			
11	22205803	LƯU KIM	LONG	01/02/04	LG22111			
12	22401587	TRẦN THẢO	MY	09/10/06	DK24111			
13	22401792	PHẠM HỒNG HẠNH	NGUYỄN	30/05/06	EM24111			
14	22401971	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	26/06/06	EM24111			
15	22401848	DƯƠNG NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	08/11/06	TT24111			
16	22401741	KHA BẢO	NHƯ	30/07/06	DK24111			
17	22401555	NGUYỄN HÀ KIỀU	OANH	03/08/06	DK24111			
18	22401403	ĐẶNG TRƯƠNG TẤN	PHÁT	03/01/06	DK24111			
19	22401942	SỖ TÚ	QUANG	03/04/06	DK24111			
20	22401897	HOÀNG THỊ TRÚC	QUỲNH	11/12/06	DM24111			
21	22401850	TRẦN NHƯ	QUỲNH	24/02/06	EM24111			
22	22401705	DƯƠNG MINH	TÀI	13/02/05	DM24111			
23	22401539	LÊ HOÀNG	TÂM	06/04/05	EC24111			
24	22401399	NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	28/11/06	DK24111			
25	22401551	PHẠM NGHĨA	THÀNH	07/06/06	TT24111			
26	22401777	HỒ THANH	THẢO	08/01/06	EC24111			
27	22401490	NGUYỄN THU	THỦY	24/07/06	DK24111			
28	22207156	TRẦN QUỐC	TUẤN	10/07/04	QL22111			Cấm thi
29	22401418	HUỲNH THANH THẢO	VI	27/02/06	EM24111			
30	22401701	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VI	18/04/06	DM24111			
31	22401940	NGUYỄN ÁI NHÂN	VIỆT	06/02/06	EC24111			
32	22401552	TRẦN MAI THANH	VY	14/03/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5900 – Số hiệu lớp: 2074
Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402100	HOÀNG MINH	ANH	11/06/06	EC24111			
2	22402139	LƯƠNG TÂM	ANH	07/02/06	EC24111			
3	22402970	NGÔ QUỲNH	ANH	30/12/06	EM24111			
4	22107748	NGUYỄN LINH	CHI	25/12/03	FB21121			
5	22402939	NGUYỄN KHÁNH	DUY	15/11/06	SE24111			
6	22402874	QUAN MỸ	DUYỀN	17/11/06	EC24111			
7	22403180	LÊ TÂM	ĐOAN	07/01/06	EM24111			
8	22402643	TRẦN BẢO NGHI	HÂN	23/02/06	DK24111			
9	22402775	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	08/09/06	DK24111			
10	22402465	NGUYỄN MINH	HUY	02/10/06	DM24111			
11	22402769	VÕ THỊ HOÀNG	LAN	03/03/06	DK24111			
12	22402398	ĐẶNG GIA	MÃN	28/01/06	DM24111			
13	22402951	BÙI LÊ TRÀ	MY	29/01/06	DK24111			
14	22402122	CAO BÍCH KIM	NGÂN	26/05/06	DM24111			
15	22402018	VÕ LÊ THIÊN	NGÂN	14/06/06	DM24111			
16	22402187	HUỲNH KHÁNH	NGỌC	18/07/06	DM24111			
17	22401976	MINH NGUYỄN BẢO	NGỌC	10/03/06	EM24111			Cấm thi
18	22401996	HỒ THANH YẾN	NHI	13/09/06	DK24111			
19	22402223	KỐC NGỌC QUANG	QUYÊN	09/09/06	EM24111			
20	22403043	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	08/05/06	EM24111			
21	22402174	QUANG THIÊN	THANH	28/05/06	EM24111			Cấm thi
22	22402003	NGUYỄN THỊ NGỌC	THOA	21/07/06	DM24111			
23	2199008	NGUYỄN MINH	THUẬN	09/11/01	KS19111			
24	22402956	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	30/09/06	EM24111			Cấm thi
25	22402929	NGUYỄN ĐỨC	TIẾN	24/01/06	DK24111			
26	22402846	LÊ NGỌC	TRÂM	15/01/06	DM24111			
27	22000842	HOÀNG ANH	TUẤN	08/11/02	KS20111			
28	22403062	LÊ NGUYỄN NHƯ	Ý	26/07/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00

Lớp học phần: 5200 – Số hiệu lớp: 2067

Giảng viên: Nguyễn Thị Thanh Hồng

Ngày thi: 05/08/2025

Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400135	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	27/10/06	QL24111			
2	22400956	NGUYỄN QUỐC	ANH	06/11/06	QL24111			
3	22400823	CHU MẠNH	DANH	27/09/06	QL24111			
4	22401855	LA VĂN	DIỄN	28/05/06	QL24111			
5	22402199	MAI ĐỨC	DUY	14/05/06	QL24111			Cấm thi
6	22401374	NGUYỄN TRIỀU	DƯƠNG	21/11/06	QL24111			
7	22402201	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	30/09/06	QL24111			
8	22402836	HOÀNG THANH	HẢI	27/07/06	QL24111			
9	22401872	NGUYỄN VÕ	HIỆP	22/11/06	QL24111			
10	22400532	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	19/03/06	QL24111			
11	22402933	NGÔ ĐỨC	HÒA	08/01/06	QL24111			
12	22400690	NGUYỄN MINH ANH	HUY	15/02/06	PM24111			
13	22401928	CHEA TRƯƠNG PHÚC	KHANG	17/07/06	QL24111			
14	22400598	NGUYỄN PHẠM THÀNH	KHOA	01/08/03	QL24111			
15	22402890	ĐỖ TUẤN	KIỆT	28/10/06	QL24111			
16	22402977	THÁI HOÀNG	LONG	30/10/06	QL24111			
17	22402024	TRẦN NGUYỄN CHU	LONG	26/07/06	QL24111			
18	22116987	VŨ NGỌC	LONG	24/07/03	DM21111			Cấm thi
19	22402023	DƯƠNG PHẠM KHÔI	NGUYỄN	23/06/06	QL24111			Cấm thi
20	22400877	PHẠM THÀNH	NHÂN	04/07/06	QL24111			
21	22401681	LÊ HOÀNG	NHẬT	03/07/06	QL24111			
22	22400708	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHI	25/04/06	QL24111			
23	22401948	LÝ DIỄM	PHONG	23/02/06	QL24111			
24	22101645	ĐỖ THIÊN	PHÚC	11/05/03	PB21111			
25	22401164	HUỲNH TRẦN	TÀI	01/08/06	QL24111			
26	22402902	ĐOÀN LIỀNG	THÀNH	24/03/06	QL24111			
27	22402964	LƯU TRẦN THANH	TRÚC	17/12/06	QL24111			
28	22401311	LÊ	TUYỀN	24/04/06	QL24111			
29	22116200	TRỊNH LÊ CÔNG	TÚ	17/11/03	DK21111			
30	22401947	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	03/12/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 6000 – Số hiệu lớp: 2075
Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400570	BÌ TỔ	ANH	07/12/06	LG24111			
2	22400609	DƯƠNG HỒNG	ANH	20/04/06	LG24111			
3	22400828	TRẦN QUỲNH	ANH	15/03/06	MC24111			
4	22400371	VŨ HOÀNG QUỲNH	ANH	29/09/06	MC24111			
5	22400733	LÊ NGUYỆT	ÁNH	19/09/06	MK24111			
6	22106212	TRẦN QUỲNH NHẬT	ÁNH	06/01/03	EM21111			
7	22207099	NGUYỄN QUỐC	BẢO	20/12/03	TV22111			
8	22111451	PHAN KHÁNH	BÌNH	27/01/03	TC21111			
9	22400841	VÕ THUẬN	DUY	15/08/06	MC24111			
10	22400648	VĂN KIM	ĐIỀN	13/05/06	MC24111			
11	22400713	NGUYỄN TRẦN GIA	HÂN	28/05/06	MK24111			
12	22114928	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	16/09/03	DM21111			
13	22400154	HỨA GIA	HIỀN	25/09/06	MK24111			
14	22400684	VŨ VĂN QUANG	HUY	06/09/06	MK24111			
15	22400145	TRƯƠNG GIA	HƯNG	02/10/06	DA24111			
16	22400580	HỒ NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	16/04/06	MC24111			
17	22400337	BÙI HOÀNG	KHÔI	23/01/06	LG24111			
18	22400168	PHÙNG THUÝ	LAM	29/07/06	MC24111			
19	22400475	VÕ HUY	LẬP	06/01/06	QL24111			
20	22104726	ĐOÀN DIỆU	LINH	04/10/03	PB21111			
21	22400169	TRẦN THANH	LOAN	27/04/06	TK24111			
22	22302260	VÕ NGUYỄN NGUYỄN	LỘC	08/04/05	LG23111			Cấm thi
23	22300602	NGUYỄN LÊ THANH	MAI	23/02/05	DM23111			
24	22400369	LÂM TÚ	MINH	19/09/06	MC24111			Cấm thi
25	22302393	LƯƠNG PHẠM HOÀNG	MINH	04/07/05	LG23111			
26	22400579	TRẦN ÁNH	MY	05/02/06	MK24111			
27	22400795	NGUYỄN THỊ KIM	MỸ	05/08/06	MK24111			
28	22401776	TRẦN NHÂN	NGHĨA	17/03/06	FT24111			
29	22400422	CHU NGUYỄN HỒNG	NGỌC	23/03/02	DA24111			Cấm thi
30	22400792	HUỲNH PHƯƠNG	NHI	01/03/06	MK24111			
31	22400685	NGUYỄN HUỲNH THIÊN	PHÚ	08/11/03	TK24111			
32	22400807	LÊ NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	30/03/06	MK24111			
33	22400547	NGUYỄN HUY MAI	PHƯƠNG	26/07/06	DA24111			
34	22102925	HỒ NGUYỄN	TÂM	20/04/03	PB21111			
35	22114867	NGUYỄN NGỌC QUỐC	THÁI	12/08/02	PB21111			
36	22400153	VÕ THỊ MỸ	THUẬN	24/01/06	LG24111			
37	22400676	HỒ LÊ MINH	THƯ	09/10/06	NL24111			
38	22400587	HOÀNG NGỌC	TRÂM	22/11/06	TC24111			
39	22400435	VÕ THỊ NGỌC	TRẦN	29/06/06	MK24111			
40	22400753	TRẦN QUỐC	TRÍ	05/08/05	MK24111			
41	22108504	ĐÀO QUỐC	TUẤN	26/03/03	DK21111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22400714	NGUYỄN HỒ THANH	TÙNG	23/05/99	DL24111			
43	22122570	NGUYỄN LÊ TRIỆU	VY	14/09/03	EM21111			
44	22400391	PHẠM HOÀI PHƯƠNG	VY	16/09/06	LG24111			
45	22400831	TRẦN THÚY	VY	21/12/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 6100 – Số hiệu lớp: 2076
Giảng viên: Trần Kim Thảo
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400964	ĐÀO LÊ THÚY	AN	26/10/06	TN24111			
2	22400878	TRẦN MAI VÂN	ANH	16/09/02	DA24111			
3	22401039	TRẦN NGUYỄN LAN	ANH	25/01/06	MK24111			
4	22401294	NGUYỄN LÊ THIÊN	BẢO	10/10/06	MC24111			
5	22401004	VƯƠNG QUỐC	BẢO	03/12/06	TC24111			
6	22401392	PHẠM HOÀNG	HẠC	24/11/06	MK24111			
7	22400951	HUỲNH HỮU	HÂN	21/07/06	LG24111			
8	22401061	HUỲNH NGỌC BẢO	HÂN	12/06/06	MC24111			
9	22401299	CAO TUYẾT	HOA	04/05/06	MK24111			
10	22401002	HỒ ĐẶNG VĂN	HUY	04/05/06	TC24111			
11	22401384	LÊ TRẦN ANH	HUY	10/05/06	LG24111			
12	22401054	NGUYỄN HỮU KHÁNH	HƯNG	13/10/06	MC24111			
13	22401021	TRẦN LÊ ANH	KHOA	09/01/06	MC24111			
14	22401052	TRẦN MẠNH	KHÔI	15/06/06	DA24111			
15	22400932	LÊ ANH	KIỆT	05/09/06	LG24111			
16	22400995	VÕ NGỌC THIÊN	KIM	20/01/06	MK24111			
17	22400887	TRẦN TRỌNG	KỶ	13/11/06	LG24111			
18	22401145	NGUYỄN ĐỨC	MINH	04/04/06	MC24111			
19	22401354	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	03/07/06	TC24111			
20	22400867	VÕ NGỌC YẾN	MY	21/05/06	MC24111			
21	22400853	LÊ QUỐC	NAM	30/01/06	MK24111			
22	22400854	NGUYỄN HOÀNG	NAM	20/09/06	MC24111			
23	22400980	HÀ KIM	NGÂN	29/08/06	LG24111			
24	22401263	NGÔ THỊ TRÚC	NGUYỄN	16/09/06	TN24111			
25	22401147	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	22/10/06	LG24111			
26	22401286	NGUYỄN TRỌNG	PHÁT	01/05/06	MC24111			
27	22400916	NGUYỄN DUY	QUANG	28/05/06	TC24111			
28	22401095	VÕ MINH	SANG	01/07/06	MC24111			
29	22401044	VÕ TẤN	TÀI	31/05/06	MC24111			
30	22401119	HỒNG NAM	THẮNG	25/09/06	DA24111			
31	22401082	TRẦN HƯNG	THỊNH	12/11/06	MK24111			
32	22401367	PHAN VŨ	THUẬN	29/09/06	MC24111			
33	22400938	NGUYỄN VÕ LAN	THY	11/01/06	MK24111			
34	22400977	LÊ PHAN QUỲNH	TIẾN	13/08/06	LG24111			
35	22401118	NGUYỄN HUỲNH MAI	TRÂM	24/01/06	MK24111			
36	22400955	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	01/01/06	MK24111			
37	22401256	BỒ ĐẠI	VĨNH	28/08/06	MK24111			Cấm thi
38	22302219	ĐÀO NGỌC THANH	VY	05/05/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 6200 – Số hiệu lớp: 2077
Giảng viên: Nguyễn Thanh Tùng
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401829	NGUYỄN NGỌC HOÀI	ANH	28/11/06	TN24111			
2	22401673	NGUYỄN THẢO	ANH	10/11/05	DA24111			
3	22402152	PHAN QUỲNH	ANH	10/01/06	MK24111			
4	22401671	TRẦN DIỆU	CHÂU	05/01/06	MK24111			
5	22401694	VÕ NGỌC LINH	CHI	14/02/06	MK24111			
6	22402045	NGUYỄN CÔNG	DANH	10/08/06	MK24111			Cấm thi
7	22402016	LƯƠNG DUYÊN THÙY	DUNG	27/03/06	MC24111			
8	22401559	LÊ ĐÌNH	HẬU	07/05/06	LG24111			
9	22401764	NGÔ THANH	HIỀN	23/03/06	NL24111			
10	22402037	PHẠM NHƯ	HUYỀN	14/03/06	TN24111			Cấm thi
11	22401944	NGUYỄN HỮU	KHANG	29/06/06	LG24111			
12	22401524	HỒ LÊ UYÊN	KHANH	27/11/06	MC24111			
13	22401802	TRẦN QUỐC	KHẢI	13/01/06	LG24111			
14	22401632	NGUYỄN LỮ KHÁNH	LY	25/01/06	LG24111			
15	22401685	ĐẶNG BÌNH	MINH	07/02/06	MK24111			
16	22401398	NGUYỄN KHÁNH	MINH	06/01/06	TN24111			
17	22401722	NGUYỄN ĐOÀN THANH	NGÂN	21/12/06	DA24111			
18	22401455	VÕ THỊ KIM	NGÂN	10/03/06	MC24111			
19	22401811	NGUYỄN NGỌC THÙY	NHIÊN	11/12/06	MK24111			
20	22401753	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/07/06	MK24111			
21	22401719	ĐỖ XUÂN	PHÚC	02/08/06	MK24111			
22	22401788	LÂM MINH	PHÚC	30/08/06	MK24111			
23	22401721	PHẠM THỊ KIM	PHỤNG	24/09/06	TN24111			Cấm thi
24	22401568	PHẠM HOÀNG LAN	PHƯƠNG	15/04/06	LG24111			
25	22110499	ĐẶNG MINH	QUÂN	29/05/02	EM21111			
26	22401575	TẶNG MINH	THÂN	05/02/06	DA24111			Cấm thi
27	22401585	LÂM TOÀN	THẮNG	19/02/06	MC24111			
28	22401636	NGUYỄN HOÀNG HƯNG	THỊNH	09/11/06	MK24111			
29	22401630	NGUYỄN HỮU	THUẬN	19/11/06	MC24111			
30	22401871	TRẦN ĐÀO HOÀI	THƯƠNG	08/08/06	MC24111			
31	22402013	NGUYỄN HỒNG THANH	TRÚC	11/04/06	LG24111			
32	22401486	NGUYỄN THANH	TRÚC	28/08/06	MK24111			
33	22402006	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	13/02/06	TC24111			
34	22401580	VÕ THỊ CẨM	TÚ	31/10/06	LG24111			
35	22401649	MÃ UYÊN	VĂN	29/03/06	MC24111			
36	22300474	VŨ BÁ	VƯƠNG	05/09/02	NT23111			
37	22401567	LÊ THỊ YẾN	VY	27/10/06	MK24111			
38	22402094	NGUYỄN BẢO	VY	16/10/06	TC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 6300 – Số hiệu lớp: 2078
Giảng viên: Võ Hoàng Khiêm
Ngày thi: 05/08/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402729	NGÔ HỨA PHƯƠNG	ANH	10/10/06	NL24111			
2	22402926	NGUYỄN NGỌC TÂM	ÂN	05/04/06	TN24111			
3	22402821	PHẠM DƯƠNG GIA	BẢO	25/04/06	LG24111			
4	22403013	LÊ PHẠM THÚY	BÌNH	18/03/06	MC24111			Cấm thi
5	22402185	NGUYỄN PHẠM NGỌC	CHÂU	30/04/06	MC24111			
6	22402477	LIÊU LIN	CHI	30/03/06	DA24111			
7	22403023	TRƯƠNG NGỌC THUỶ	DƯƠNG	26/11/06	TK24111			
8	22402717	NGUYỄN CAO BÁ	ĐẠT	06/01/06	MK24111			
9	22402766	LÊ HÀ HỒNG	HẠNH	13/05/06	LG24111			
10	22402829	NGUYỄN VĂN	HIẾU	29/06/06	TC24111			Cấm thi
11	22402947	LÊ THỊ	HUỆ	24/06/06	TN24111			
12	22402800	NGUYỄN GIA	HƯNG	10/01/06	LG24111			
13	22402875	NGUYỄN THỊNH	KHANG	06/05/06	MC24111			
14	22402963	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	31/05/02	MC24111			
15	22402833	NGUYỄN TRUNG BẢO	KHÔI	12/10/06	NL24111			
16	22402723	HỨA HOÀNG THÁI	KIỆT	27/12/03	MC24111			
17	22403168	TRẦN KIỀU THIÊN	KIM	21/02/06	NL24111			
18	22011053	TRẦN PHƯỚC	LINH	01/10/02	DL20121			
19	22402780	NGUYỄN BÁ	LỘC	06/07/06	MK24111			
20	22402832	NGUYỄN TRÀ	MY	19/11/06	MK24111			
21	22402907	BÀNH TÂM	NGHI	23/06/06	TN24111			
22	22402856	BÙI THỊ MINH	NGỌC	27/03/06	MK24111			
23	2193553	VŨ MAI HỒNG	NGỌC	31/05/01	DL19121			
24	22402979	LÊ NGUYỄN BẢO	NGUYỄN	21/11/06	MC24111			
25	22402158	ĐỖ YẾN	NHI	15/02/06	MC24111			
26	22403004	HUỲNH QUỲNH	NHƯ	14/10/06	LG24111			
27	22402906	NGUYỄN TẤN	PHÁT	10/10/06	LG24111			
28	22402878	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	21/07/06	TC24111			
29	22402930	VÕ NGỌC NHƯ	THẢO	14/06/06	MC24111			
30	22402299	LÂM SƠN	THẮNG	30/04/06	TC24111			
31	22402688	NGUYỄN TRỌNG	THẾ	12/09/06	LG24111			
32	22402805	NGUYỄN TRIẾT	THUẬN	23/09/02	LG24111			Cấm thi
33	22402714	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	THƯ	31/05/06	TK24111			
34	22007004	NGUYỄN CẨM	TIẾN	22/11/02	DL20121			
35	22402802	TRẦN TRUNG	TÍN	03/03/06	LG24111			
36	22402914	PHẠM NGỌC UYÊN	TRANG	18/10/06	MC24111			
37	22402917	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	28/10/06	TC24111			
38	22402958	NGUYỄN TẤN	VIỆT	07/11/06	LG24111			
39	22403011	NGUYỄN YẾN	VY	23/12/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)